

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ XUÂN CHÍNH

**CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA THEO PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGÔ XUÂN CHÍNH

**CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA THEO PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. NGUYỄN THÁI PHÚC**

HÀ NỘI, năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác. Những kết luận khoa học của luận văn này là công trình nghiên cứu độc lập của tôi, chưa từng được công bố trên bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả

Ngô Xuân Chính

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm về biện pháp điều tra.....	7
1.2. Các yêu cầu chung về áp dụng biện pháp điều tra	19
1.3. Hệ thống các biện pháp điều tra.....	21
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA VÀ KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	36
2.1. Quy định về biện pháp điều tra trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	36
2.2. Biện pháp điều tra trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới	48
Chương 3: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN	57
3.1. Thực trạng áp dụng các biện pháp điều tra trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	57
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp điều tra trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	68
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Thống kê theo dõi số vụ, số bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy	60
Bảng 3.2. Thống kê số lượng vụ án có áp dụng các BPĐT của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy.....	61

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	:	An ninh trật tự
BPĐT	:	Biện pháp điều tra
CAND	:	Công an nhân dân
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
ĐTTHS	:	Điều tra hình sự
ĐTV	:	Điều tra viên
KSV	:	Kiểm sát viên
TTHS	:	Tổ tụng hình sự
VAHS	:	Vụ án hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Lý luận cũng như thực tiễn về hoạt động ĐTTHS cho thấy, việc áp dụng đúng đắn, hiệu quả các BPĐT giúp cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện nhanh chóng tội phạm, điều tra chính xác, xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội góp phần quan trọng loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam dân chủ, công bằng, văn minh. Ngược lại, nếu áp dụng không đúng, không chính xác các BPĐT sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết đúng đắn VAHS hoặc có thể dẫn đến những hậu quả như để lọt tội phạm, oan, sai với người vô tội, vi phạm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, thậm chí gây nên những dư luận xấu trong xã hội, làm giảm lòng tin của quần chúng nhân dân vào các cơ quan tiến hành tố tụng. Đây cũng là cơ hội cho các thế lực thù địch lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc nói xấu chế độ, vu cáo cơ quan tiến hành tố tụng không khách quan, lạm dụng quyền năng, vi phạm quyền con người, quyền dân chủ... ảnh hưởng xấu tới vị trí Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, đề tài về BPĐT chưa được quan tâm đúng mức trong nghiên cứu khoa học so với vị trí của nó trong hoạt động thực tiễn.

Từ thực tiễn áp dụng các BPĐT của các cơ quan tiến hành tố tụng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2016 trong giải quyết các VAHS cho thấy, các BPĐT được áp dụng rất phổ biến với mọi VAHS. Việc áp dụng các BPĐT đã giúp các cơ quan tiến hành tố tụng, điều tra phát hiện, thu thập được nhiều thông tin về vụ án, đối tượng gây án và những tình tiết khác có liên quan đến vụ án đã xảy ra. Đồng thời, còn tạo điều kiện mở rộng công tác điều tra, phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm, góp phần quan trọng đảm bảo ANTT trên địa bàn. Kết quả áp dụng đó đã đem lại nhiều kinh nghiệm hay, quý báu cần được tổng kết để bổ sung cho lý luận và nhân rộng trong thực tiễn áp dụng các BPĐT. Tuy nhiên, việc áp dụng này vẫn tồn tại một số hạn chế, bất cập vi phạm căn cứ, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật TTHS khi áp dụng các BPĐT, như tiến hành khám xét

khi chưa đủ căn cứ, bức cung, dùng nhục hình trong hỏi cung bị can, biên bản tố tụng không đúng quy định, khám nghiệm hiện trường thiếu người chứng kiến... Sở dĩ vẫn tồn tại một số bất cập, hạn chế trên là do xuất phát từ nhiều các nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau gây ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả điều tra, làm rõ VAHS trong quá trình TTHS nói chung và giá trị pháp lý của chứng cứ thu thập được trong việc giải quyết đúng đắn VAHS. Do đó, trong thời gian tới, quận Cầu Giấy cần tăng cường hiệu quả áp dụng các BPĐT của các cơ quan tiến hành tố tụng một cách có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật TTHS.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, đòi hỏi phải phân tích, nghiên cứu làm sáng tỏ lý luận, cũng như nhận thức thống nhất quy định của pháp luật TTHS về hệ thống các BPĐT và thực tiễn áp dụng BPĐT của các cơ quan tiến hành tố tụng tại quận Cầu Giấy nhằm phát huy những kết quả đã đạt được, tìm ra nguyên nhân của những bất cập, hạn chế và khắc phục những bất cập, hạn chế đó, đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ, năng lực cho các chủ thể có liên quan. Từ đó, tác giả chọn nghiên cứu đề tài ***“Các biện pháp điều tra theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình là đáp ứng yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đến đề tài

Trong những năm gần đây, điều tra trong TTHS cũng là một vấn đề được quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học cả về lý luận lẫn thực tiễn, đáng chú ý là các công trình: *“Khoa học điều tra hình sự”* do PGS.TS. Lê Minh Hùng, Phó Giám đốc Học viện An ninh nhân dân chủ biên, Hà Nội năm 2013; *“Khoa học hình sự Việt Nam”* của GS.TS Nguyễn Xuân Yêm, Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân chủ biên, Hà Nội năm 2013; Luận văn Thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Minh về *“Các biện pháp điều tra trong tố tụng hình sự”*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2008 và một số bài viết được đăng trên các tạp chí như: *“Bản chất của hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự”* của Thạc sĩ Nguyễn Việt Hoạt, Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, tạp chí KHPL số 3 (40)/2007; *“Về chế định điều tra*

tội phạm trong Bộ luật Tố tụng hình sự” của PGS.TS Trần Đình Nhã – Ủy ban Quốc phòng An ninh của Quốc hội, tạp chí Kiểm sát số 21/2012... Các công trình này mới chỉ đề cập đến vấn đề mang tính bình luận các quy định của pháp luật thực định về các BPĐT hoặc chiến thuật điều tra một cách tổng thể trên phạm vi rộng, còn các bài viết chỉ mới khai thác được một số khía cạnh về cách thức, phương pháp áp dụng các BPĐT. Các công trình, bài viết nêu trên chưa đi phân tích thực tiễn, những khó khăn vướng mắc, những giải pháp về việc áp dụng các BPĐT đối với địa bàn cấp quận ở thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngoài ra, có một số tài liệu có tính chất hướng dẫn như giáo trình “*Tổ chức và chiến thuật điều tra hình sự*” của khối các trường đào tạo CAND, Tổng cục Xây dựng lực lượng, Nxb. CAND năm 2010; sách chuyên khảo “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động điều tra hình sự ở Việt Nam*” của Đại tướng GS. TS Trần Đại Quang chủ biên, Nxb.CAND năm 2015; sách chuyên khảo lưu hành nội bộ trong lực lượng CAND “*Biện pháp nghiệp vụ trong công tác công an, những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Viện khoa học chiến lược Bộ Công an, Nxb. CAND năm 2011 và “*Một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp điều tra hình sự trong Công an nhân dân*” của TS. Nguyễn Xuân Toàn, Nxb. CAND năm 2012... Những công trình này tuy có đề cập đến các BPĐT hình sự nhưng thiên về góc độ của khoa học kỹ thuật hình sự chứ không phải ở góc độ của khoa học TTHS.

Như vậy, các công trình khoa học, các bài viết, các giáo trình hay sách chuyên khảo về BPĐT chưa nghiên cứu, làm rõ, phân biệt giữa BPĐT - chế định của pháp luật TTHS với khoa học ĐTHS - một môn học, một lĩnh vực khoa học pháp lý độc lập có nội dung khác.

Từ thực trạng nghiên cứu nêu trên cho thấy, các công trình nghiên cứu chưa đầy đủ, chưa nhiều về lý luận đối với BPĐT ở nước ta, do đó đề tài “*Các biện pháp điều tra theo luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*” cần được nghiên cứu để làm rõ cơ sở lý luận, làm sáng tỏ các quy định của

pháp luật thực định và thực tiễn áp dụng. Từ đó có những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các BPĐT không chỉ đối với địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội mà còn có thể áp dụng với các địa bàn khác tương tự trên toàn quốc.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu của đề tài

+ Làm rõ một số vấn đề lý luận về BPĐT hình sự.

+ Đánh giá thực trạng điều chỉnh hoạt động ĐTHS trong pháp luật TTHS Việt Nam.

+ Đánh giá thực tiễn áp dụng các BPĐT ở địa bàn quận Cầu Giấy và kiến nghị.

- Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để đạt được mục đích nêu trên, tác giả tập trung giải quyết một số nhiệm vụ sau:

+ Làm rõ bản chất của hoạt động ĐTHS từ đó làm rõ khái niệm về BPĐT hình sự, những đặc điểm của BPĐT hình sự, từ đó phân biệt với các hoạt động (hành vi) tố tụng khác, làm rõ tính hệ thống của BPĐT...

+ Làm rõ quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về các BPĐT hình sự, từ đó đánh giá quy định của pháp luật TTHS một số nước trên thế giới.

+ Làm rõ thực trạng áp dụng các BPĐT hình sự ở địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội từ đó đánh giá và kiến nghị.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

+ Những vấn đề lý luận và quy định về các BPĐT theo pháp luật TTHS Việt Nam. Đề tài chỉ nghiên cứu về BPĐT hình sự ở góc độ khoa học TTHS, không nghiên cứu về chiến thuật, kỹ năng áp dụng dưới góc độ của các ngành khoa học khác.

+ Thực tiễn áp dụng các BPĐT trong điều tra VAHS trên địa bàn quận Cầu Giấy.

+ Những nguyên nhân làm phát sinh tồn tại và một số giải pháp loại trừ các nguyên nhân đó trong áp dụng các BPĐT khi tiến hành điều tra VAHS tại địa bàn quận Cầu Giấy.

- Phạm vi nghiên cứu

+ Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu các BPĐT hình sự với tư cách là hệ thống thống nhất của nhiều nhóm BPĐT hình sự khác nhau, không đi vào từng BPĐT cụ thể.

+ Về không gian: Nghiên cứu tại địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

+ Về thời gian: Đối với những vấn đề lý luận, việc nghiên cứu không giới hạn thời gian; đối với thực tiễn áp dụng, đề tài tập trung nghiên cứu trong giới hạn thời gian từ năm 2012 đến tháng 12 năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các văn bản pháp luật về vấn đề điều tra trong TTHS và các văn bản khác, các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan tới đề tài.

Đồng thời, trên cơ sở kế thừa những thành tựu đạt được của các khoa học như Khoa học luật hình sự; Khoa học luật TTHS; Tội phạm học; Tâm lý học tư pháp; Xã hội học...

- Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng và kết hợp chặt chẽ phương pháp logic với phương pháp lịch sử, phân tích và tổng hợp; phương pháp thống kê, so sánh, khảo sát, tổng kết thực tiễn; phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia, nhà hoạt động thực tiễn như các cán bộ làm công tác nghiên cứu, đồng nghiệp hoạt động thực tiễn để đánh giá, hệ thống hóa hoạt động áp dụng các BPĐT trong ĐTHS để làm rõ những vấn đề cần nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận văn

- Về mặt lý luận

+ Góp phần cung cấp các luận cứ để hoàn thiện cơ sở lý luận về các BPĐT trong ĐTHS.

+ Kiến nghị, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các BPĐT từ đó góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về các BPĐT.

+ Luận văn trở thành một tài liệu tham khảo chuyên ngành về lĩnh vực áp dụng các BPĐT theo quy định của pháp luật TTHS Việt Nam để phục vụ cho yêu cầu nghiên cứu, đào tạo trong các nhà trường, học viện.

- Về mặt thực tiễn

+ Hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật TTHS về các BPĐT trong điều tra VAHS trên toàn quốc nói chung và quận Cầu Giấy nói riêng.

+ Tăng cường nhận thức của các chủ thể tố tụng về áp dụng các BPĐT.

+ Trên cơ sở xác định các nguyên nhân của những bất cập, tồn tại của việc áp dụng các BPĐT tại địa bàn quận Cầu Giấy, từ đó kiến nghị một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các BPĐT trong thực tiễn điều tra VAHS.

7. Cơ cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về biện pháp điều tra trong tố tụng hình sự.

Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về các biện pháp điều tra và kinh nghiệm một số nước trên thế giới.

Chương 3: Thực trạng áp dụng các biện pháp điều tra trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và các giải pháp hoàn thiện.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG

VỀ BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm về biện pháp điều tra

1.1.1. Bản chất của hoạt động điều tra hình sự

- Điều tra là hoạt động có mục đích khám phá sự thật khách quan phục vụ nhu cầu của con người.

Hoạt động ĐTHS là hoạt động khám phá, phát hiện tội phạm. Hiện nay, trong khoa học pháp lý Việt Nam tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về hoạt động điều tra.

Từ điển Luật học giải thích rằng, “Điều tra là công tác trong TTTHS được tiến hành nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ” [46, tr. 257-258].

Cách hiểu phổ biến ở Việt Nam hiện nay cho rằng, điều tra là hoạt động của CQĐT trong điều tra VAHS. Như vậy, điều tra là tổng hợp tất cả các hành vi thực hiện trong giai đoạn điều tra và do một CQĐT thực hiện. Cách nhìn nhận này đã đồng nhất giai đoạn điều tra với hoạt động điều tra, cho thấy sự nhìn nhận phiến diện, cục bộ, bó hẹp phạm vi hoạt động điều tra chỉ được tiến hành trong giai đoạn điều tra VAHS. Trên thực tế, pháp luật TTTHS quy định, hoạt động điều tra không chỉ do CQĐT thực hiện và không chỉ ở giai đoạn điều tra. Để thu thập chứng cứ, CQĐT không phải là cơ quan duy nhất mà Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Kiểm lâm, Cảnh Sát biển, Bộ đội biên phòng... Viện kiểm sát có thể thực hiện hoạt động điều tra như phúc cung, lấy lời khai nhân chứng, thực nghiệm điều tra... Tòa án tiến hành thẩm vấn tại phiên tòa...

Cách nhìn nhận thứ hai cho rằng, hoạt động điều tra là tổng hợp từ “một số hành vi điều tra như khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tạm giữ ngay người có dấu hiệu phạm tội, khám xét...” [1, tr. 50-51]. Cách hiểu này chưa phân biệt được hoạt động điều tra với các hoạt động TTTHS khác.

Cách hiểu thứ ba coi hoạt động điều tra là hoạt động của CQĐT, Viện kiểm sát, Tòa án nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. So với hai cách nhìn nhận trên, cách nhìn nhận này đã nhìn nhận chủ thể của hoạt động điều tra rộng hơn. Tuy nhiên lại nhầm lẫn giữa các hoạt động của CQĐT với hoạt động điều tra, giữa chức năng của từng hoạt động điều tra với chức năng của các CQĐT và VKS.

Về lý luận, ở Việt Nam hiện nay chưa có một khái niệm khoa học đáng tin cậy về “*hoạt động điều tra*”. Về mặt luật thực định, thuật ngữ hoạt động điều tra sử dụng không thống nhất trong các Bộ luật TTHS và chưa có điều luật nào giải thích hoặc định nghĩa về hoạt động điều tra, hoạt động điều tra được hiểu dưới nhiều các tên gọi khác nhau như hoạt động điều tra ban đầu, giai đoạn điều tra, BPĐT.

Như vậy, khoa học pháp lý và thực tiễn hiện nay có những quan điểm khác nhau, chưa thống nhất nhận thức về hoạt động điều tra, vẫn còn có sự nhầm lẫn giữa các khái niệm điều tra, thẩm quyền điều tra và hoạt động điều tra, giữa giai đoạn điều tra với hoạt động điều tra, BPĐT với các biện pháp tố tụng khác. Trong khoa học pháp lý Việt Nam hoạt động điều tra chưa được nghiên cứu sâu sắc, mà còn đang bỏ ngỏ với những cách hiểu, nhận thức khác nhau là không tránh khỏi.

- Hoạt động điều tra là những hành vi tố tụng do những người tiến hành tố tụng cụ thể thực hiện.

TTHS là tổng hợp các hành vi tố tụng do các chủ thể khác nhau thực hiện vì những mục đích khác nhau được luật TTHS quy định chặt chẽ về mặt hình thức, thủ tục tố tụng kèm theo khả năng cưỡng chế khi thực hiện. Theo mục đích tố tụng, hoạt động điều tra được thực hiện nhằm phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ phục vụ yêu cầu tố tụng là giải quyết đúng đắn VAHS. Pháp luật TTHS điều chỉnh chặt chẽ hoạt động điều tra từ khi ra quyết định tới khi thực hiện và phản ánh kết quả thực hiện thành chứng cứ để chứng minh.

- Hoạt động điều tra mang bản chất của hoạt động nhận thức – hoạt động chứng minh.

Hoạt động điều tra là tổng hợp những hành vi tố tụng làm rõ các sự kiện tình tiết của vụ án bằng cách tìm kiếm, phát hiện các thông tin về tội phạm, thu giữ, phản ánh các thông tin đó vào trong hồ sơ vụ án để làm phương tiện chứng minh. Bằng hoạt động điều tra mà chúng ta có thể từ sự kiện này chứng minh sự kiện khác. Từ thông tin ít ỏi có thể đi để tri thức đầy đủ hơn về vụ án.

Các hoạt động điều tra thường dựa vào phương pháp của hoạt động nhận thức: hỏi thông tin, quan sát và kết hợp cả hai. Trong hỏi cung, lấy lời khai, đối chất thì phương pháp nhận thức chủ đạo là hỏi. Trong khám xét, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra thì phương pháp chủ đạo là quan sát... Phần lớn các hoạt động điều tra về bản chất là các hành vi mà thông qua đó người tiến hành tố tụng tiến hành hoạt động điều tra tiếp nhận thông tin trực tiếp và ghi nhận, củng cố thông tin.

Từ những phân tích nêu trên, có thể hiểu: *“Hoạt động điều tra là các hành vi tố tụng do Bộ luật TTHS quy định có mục đích thu thập và kiểm tra chứng cứ do người tiến hành tố tụng thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ kèm theo khả năng áp dụng cưỡng chế nhà nước”.*

1.1.2. Khái niệm biện pháp điều tra

BPĐT hình sự được quy định trong pháp luật TTHS của nhiều nước trên thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Việc nhận thức thống nhất, đồng thời quy định và áp dụng đúng đắn các BPĐT hình sự là bảo đảm cần thiết cho việc thực hiện tốt các nhiệm vụ của TTHS để phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan, sai người vô tội.

Trong lịch sử pháp luật TTHS Việt Nam, ngay từ sau khi thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đã xuất hiện các quy định về BPĐT. Tuy nhiên, trong các văn bản

quy phạm pháp luật này không có quy phạm định nghĩa về khái niệm BPĐT. Bên cạnh đó, trong các Bộ luật TTHS của Việt Nam, BPĐT cũng như hoạt động điều tra được hiểu dưới nhiều các tên gọi khác nhau như hoạt động điều tra, hoạt động điều tra ban đầu, BPĐT, biện pháp tố tụng... thể hiện sự không thống nhất trong nhận thức về BPĐT.

Xuất phát từ đặc điểm cơ sở pháp luật quy định nêu trên về BPĐT, việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành khái niệm về BPĐT hình sự tồn tại những quan điểm khác nhau của các nhà nghiên cứu. Có thể khái quát một số quan điểm chính về BPĐT như sau:

Theo Từ điển Bách khoa CAND năm 2000 nêu khái niệm về BPĐT, xét hỏi: *“BPĐT, xét hỏi là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng CAND, được thực hiện theo quy định của pháp luật hình sự và TTHS nhằm xác định tội phạm, người có hành vi phạm tội, lập hồ sơ đề nghị truy tố, tìm nguyên nhân, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa và mở rộng công tác trình sát. Nội dung của BPĐT, xét hỏi bao gồm: khám nghiệm hiện trường, bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, hỏi cung bị can, đối chất, nhận dạng, lấy lời khai người làm chứng...”*

Từ điển Bách khoa CAND năm 2005 đã bổ sung, chỉnh lý khái niệm trên như sau: *“BPĐT (BPĐT hình sự) là một hoạt động TTHS và là một trong những biện pháp công tác cơ bản của lực lượng CAND, được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm khám phá và làm rõ tội phạm, đồng thời đáp ứng các yêu cầu phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Nội dung của BPĐT bao gồm: phát hiện, thu thập, củng cố, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ; lập hồ sơ vụ án hình sự để góp phần xử lý người phạm tội theo tinh thần đúng người, đúng tội, đúng đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; mở rộng công tác trình sát; tìm nguyên nhân, điều kiện phạm tội và kiến nghị biện pháp phòng ngừa...”* [39, tr. 101-102].

Ngoài khái niệm BPĐT hình sự, trong Từ điển bách khoa CAND (năm 2000 và 2005) còn một số mục từ về từng BPĐT cụ thể. Tuy nhiên, cách thể hiện,

diễn đạt các khái niệm này trong Từ điển còn bộc lộ rõ sự thiếu nhất quán. Hơn nữa, xét về nội dung khoa học thì khái niệm BPĐT hình sự trong cuốn Từ điển cũng chưa đạt được sự nhất trí cao của các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học CAND. Có thể thấy, định nghĩa về BPĐT hình sự trong Từ điển Bách khoa CAND năm 2005, tuy đã nêu được BPĐT là một hoạt động TTHS nhưng lại đồng nhất BPĐT là một trong những biện pháp công tác của lực lượng CAND, do đó đã bó hẹp chủ thể áp dụng là lực lượng CAND. Tuy nhiên, ngoài lực lượng CAND còn các cơ quan khác cũng được quyền áp dụng các BPĐT hình sự theo luật định, như KSV của Viện kiểm sát có quyền triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng...

Theo một số giáo trình của các học viện, trường đại học tiêu biểu như Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội. Các giáo trình đó được các nhà khoa học viết dựa vào cơ sở tổng kết thực tiễn ở Việt Nam và tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài (đặc biệt là các sách, báo pháp lý của Nga). Một điểm chung là các giáo trình này đã xác định khái niệm pháp lý của từng BPĐT và đề cập đến một số vấn đề cơ bản của từng BPĐT hình sự. Tuy nhiên, chỉ giáo trình *“Chiến thuật điều tra hình sự”* của Học viện Cảnh sát nhân dân (xuất bản năm 2006) là đưa ra khái niệm BPĐT hình sự và một số khái niệm pháp lý cần thiết khác như: cơ sở pháp lý của BPĐT hình sự, áp dụng BPĐT hình sự... và nhiều các vấn đề lý luận cơ bản khác về BPĐT hình sự. Cụ thể, khái niệm BPĐT hình sự như sau: *“BPĐT là những thủ thuật có mối liên hệ hữu cơ với nhau, do ĐTV và những người theo luật định tiến hành nhằm phát hiện, thu thập theo trình tự của TTHS những tài liệu có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra và phòng ngừa tội phạm”* [20, tr. 22-23]

Dưới góc độ của Khoa học hình sự Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng đưa ra khái niệm cụ thể về BPĐT hình sự: *“BPĐT là hệ thống những thủ thuật có mối liên hệ với nhau do ĐTV và những người theo luật định tiến hành nhằm phát hiện,*

thu thập theo trình tự của TTHS những tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra và phòng ngừa tội phạm” [50, tr. 12]. Với cách định nghĩa này, BPĐT đã được đề cập với tư cách là hệ thống các thủ thuật chiến thuật điều tra được áp dụng trong hoạt động điều tra và phòng ngừa tội phạm với mục đích nhằm phát hiện, mô tả, thu thập tài liệu, chứng cứ.

Như vậy, cũng như khái niệm được đưa ra trong giáo trình nêu trên, BPĐT hình sự chỉ được coi là một hệ thống các thủ thuật, chiến thuật ĐTTHS, BPĐT được đề cập dưới góc độ kỹ năng áp dụng chúng. Đồng thời, với cách định nghĩa này đã bó hẹp mục đích của BPĐT chỉ là phát hiện, thu thập, coi chứng cứ tồn tại sẵn có và đều có giá trị chứng minh sau khi thu thập mà không kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong quá trình áp dụng.

Ngoài ra, có quan điểm cho rằng: *“BPĐT là những biện pháp do Bộ luật TTHS quy định mà cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án”* [23, tr. 14]. Cách hiểu này về BPĐT tuy đã nêu rõ BPĐT phải là những biện pháp do BLTTHS quy định với chủ thể áp dụng là cơ quan tiến hành tố tụng nhưng cũng giống như hai khái niệm nêu trên, mục đích áp dụng chỉ nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ mà chưa phát hiện, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, qua đó cũng nhận thức chứng cứ là cái luôn có sẵn mà cơ quan tiến hành tố tụng chỉ việc thu lượm về để sử dụng mà không cần kiểm tra, đánh giá.

Quan điểm khác lại cho rằng: *“BPĐT hình sự là biện pháp được quy định trong Bộ luật TTHS, do các chủ thể có thẩm quyền điều tra tiến hành, áp dụng theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS quy định và dựa trên những căn cứ, điều kiện nhất định nhằm thu thập chứng cứ, xác định sự thật khách quan của VAHS hay vụ việc mang tính hình sự đã xảy ra, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm”* [38, tr. 26]. Về ưu điểm, cách định nghĩa này về BPĐT đã nêu được BPĐT hình sự là các biện pháp được Bộ luật TTHS quy định, do chủ thể có thẩm quyền điều tra VAHS mà Bộ luật TTHS quy định tiến hành, áp

dụng theo trình tự, thủ tục mà Bộ luật TTHS quy định. Tuy nhiên, sự cũng giống như cách hiểu trên về BPĐT, mục đích của BPĐT chỉ nhằm thu thập chứng cứ, bên cạnh đó việc thu thập chứng cứ phục vụ cho yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm mang tính chất chung chung không đi vào cụ thể của mục đích chính của hoạt động ĐTHS là nhằm giải quyết đúng đắn VAHS.

Nghiên cứu các quan điểm trên cho thấy, hiện đang có hai quan niệm về BPĐT hình sự theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp. BPĐT hình sự hiểu theo nghĩa rộng bao gồm các biện pháp được quy định trong pháp luật TTHS và các biện pháp khác, do người có thẩm quyền tiến hành nhằm thu thập chứng cứ, làm rõ sự thật của VAHS và phòng ngừa tội phạm. BPĐT hình sự hiểu theo nghĩa hẹp chỉ bao gồm các biện pháp được quy định trong pháp luật TTHS, do người có thẩm quyền tiến hành nhằm thu thập chứng cứ, làm rõ VAHS và phòng ngừa tội phạm.

Có thể thấy, các quan điểm nêu trên về khái niệm BPĐT hình sự đã nêu lên được khía cạnh này hay khía cạnh khác về BPĐT, nhưng chưa khái niệm, hay cách hiểu nào đưa ra được một cách đầy đủ, khoa học chứa đựng tất cả các yếu tố cấu thành của BPĐT dưới góc độ của khoa học TTHS.

Mặt khác, xuất phát từ bản chất của hoạt động ĐTHS là phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án một cách đầy đủ, toàn diện, làm cơ sở cho việc giải quyết đúng đắn VAHS. Để làm được điều đó, Bộ luật TTHS quy định các biện pháp cụ thể mà cơ quan tiến hành tố tụng theo luật định được áp dụng để tiến hành hoạt động điều tra với mục đích phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ của vụ án. Theo tác giả, đó chính là các BPĐT trong TTHS.

Từ đó, tác giả đưa ra khái niệm về BPĐT như sau:

“BPĐT là hệ thống các biện pháp được Bộ luật TTHS quy định do các chủ thể có thẩm quyền điều tra tiến hành theo trình tự, thủ tục được pháp luật TTHS quy định dựa trên những căn cứ nhất định nhằm phát hiện, thu thập, kiểm

tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ xác định sự thật khách quan của vụ án một cách đầy đủ, toàn diện, làm cơ sở cho việc giải quyết đúng đắn VAHS”.

Theo khái niệm trên, BPĐT phải bao gồm những yếu tố sau:

- BPĐT là những biện pháp được Bộ luật TTHS quy định.

- Chủ thể tiến hành, áp dụng là các cơ quan tiến hành tố tụng thông qua những người tiến hành tố tụng có thẩm quyền điều tra tiến hành, áp dụng BPĐT, dựa trên những căn cứ nhất định.

- Mục đích của BPĐT là phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ.

Từ những phân tích nêu trên về hai khái niệm hoạt động điều tra và BPĐT, cần chú ý một số vấn đề:

Hoạt động điều tra và BPĐT đều là những hành vi tố tụng chung mục đích khi tiến hành là phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Tuy nhiên, hoạt động điều tra là tổng hợp của nhiều hành vi tố tụng do chủ thể là người tiến hành tố tụng thực hiện, BPĐT cũng được tiến hành, áp dụng bởi những người tiến hành tố tụng cụ thể, nhưng chỉ giới hạn bởi những người có thẩm quyền áp dụng với từng BPĐT. Cần phân biệt rõ người tiến hành BPĐT theo pháp luật TTHS Việt Nam không phải là tất cả người tiến hành tố tụng. Người tiến hành tố tụng là một khái niệm quá rộng và không phải tất cả các chủ thể này đều có thẩm quyền áp dụng BPĐT. Chẳng hạn, Cán bộ điều tra, Kiểm tra viên, Thư ký Tòa án, họ chỉ là người tham gia vào quá trình thực hiện BPĐT và làm chức năng ghi chép, thực hiện các hành vi tố tụng có tính chất hành chính.

Hoạt động điều tra và BPĐT là hai khái niệm khác nhau, nhưng giữa chúng lại có mối quan hệ biện chứng, làm rõ nội hàm của hai khái niệm trên có ý nghĩa quan trọng trong nhận thức về ĐTHS, đồng thời cũng làm sáng tỏ vị trí, vai trò của BPĐT trong ĐTHS.

1.1.3. Đặc điểm của biện pháp điều tra

Cũng giống các biện pháp tố tụng khác, BPĐT đều mang những đặc điểm chung của các biện pháp tố tụng như: phải là các biện pháp chỉ được quy định

trong Bộ luật TTHS; chủ thể tiến hành, áp dụng là các cơ quan tiến hành TTHS có thẩm quyền luật định thông qua những người tiến hành tố tụng cụ thể; trình tự, thủ tục tiến hành, áp dụng phải tuân theo các quy định của Bộ luật TTHS... Tuy nhiên, bên cạnh những đặc điểm chung đó, mỗi biện pháp khác nhau đều có những đặc điểm riêng đặc trưng cho mình, mà căn cứ vào đó có thể phân biệt được với các biện pháp khác. Trong đó, BPĐT hình sự mang những đặc điểm riêng biệt sau:

- Mục đích tiến hành, áp dụng các BPĐT hình sự là phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ phục vụ yêu cầu làm rõ VAHS.

Mục đích chung của TTHS là nhằm giải quyết đúng đắn VAHS, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Để thực hiện được mục đích chung của TTHS, Bộ luật TTHS quy định cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được áp dụng các biện pháp khác nhau đối với từng giai đoạn tố tụng hoặc trong suốt quá trình tố tụng. Mỗi biện pháp đều nhằm mục đích nhất định mang lại hiệu quả riêng trong quá trình chứng minh, làm rõ VAHS. Đối với BPĐT, khi thực hiện, các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ phát hiện, thu thập được các chứng cứ của vụ án đồng thời kiểm tra, đánh giá các chứng cứ đó để sử dụng có hiệu quả cho việc chứng minh, làm rõ VAHS. Chẳng hạn, việc áp dụng BPĐT khám xét, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ phát hiện, thu thập được những chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ án như: vũ khí, công cụ, phương tiện phạm tội, những tài sản bị tội phạm chiếm đoạt, những vật mang dấu vết tội phạm, những mẫu vật để nghiên cứu, so sánh hoặc những giấy tờ, tài liệu khác có liên quan đến vụ án, trong một số trường hợp việc khám xét ở chỗ ở, chỗ làm việc... còn giúp phát hiện ra người đang bị truy nã, tử thi hoặc các phần của tử thi, người bị bắt cóc, người bị giam giữ... Hoặc trong những trường hợp đối với những tài liệu, tình tiết đã thu thập được trong giai đoạn điều tra nhưng chưa xác định được tính khách quan và mức độ tin cậy của chúng, CQĐT có thể áp dụng BPĐT thực nghiệm điều tra để kiểm tra, đánh giá những tài liệu, tình tiết đó như khả năng tri

giác một sự việc, hiện tượng nhất định, khả năng thực hiện một hành vi, một công việc nhất định, khả năng diễn ra một sự việc, hiện tượng...

Đây là đặc điểm đặc trưng phản ánh bản chất của BPĐT, từ đó có thể phân biệt được với các biện pháp khác như biện pháp ngăn chặn là nhằm mục đích ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, cũng như không cho họ có những hành động làm cản trở hoạt động điều tra, xét xử hoặc thi hành án hình sự... Ngoài ra, việc phân tích làm rõ vấn đề này không chỉ có ý nghĩa phân biệt BPĐT hình sự với các biện pháp tố tụng khác như biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác, mà còn cho thấy mối quan hệ hữu cơ giữa việc tiến hành các biện pháp trong điều tra, làm rõ VAHS.

- BPĐT mang tính cưỡng chế.

Theo Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng 2016, cưỡng chế là một động từ chỉ việc “*dùng quyền lực nhà nước bắt phải tuân theo*”. Theo đó, cưỡng chế trong TTHS có thể hiểu là việc các chủ thể có thẩm quyền luật định căn cứ vào các quy định của pháp luật TTHS để buộc các đối tượng bị áp dụng phải tuân theo những mệnh lệnh, yêu cầu nhất định.

Trong khoa học TTHS, các biện pháp cưỡng chế trong TTHS được chia thành 3 nhóm:

Nhóm 1: Những biện pháp ngăn chặn bao gồm: bắt người, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo.

Nhóm 2: Những biện pháp bảo đảm cho việc thu thập chứng cứ bao gồm: khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án, xem xét dấu vết trên thân thể...

Nhóm 3: Những biện pháp bảo đảm cho các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án bao gồm: áp giải bị can, dẫn giải người làm chứng, những biện pháp áp dụng đối với người vi phạm trật tự phiên tòa, kê biên tài sản.

Khi thực hiện những biện pháp này, các cơ quan có thẩm quyền phải căn cứ vào các quy định của luật TTHS và những quy định liên quan khác để buộc các đối tượng bị áp dụng phải tuân thủ.

Mặt khác, từ thực tiễn hoạt động ĐTHS cho thấy, để bảo đảm cho việc phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ phục vụ yêu cầu làm rõ VAHS nói chung, bắt buộc phải tiến hành các BPĐT, như: khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án, xem xét dấu vết trên thân thể... Tuy nhiên, khi tiến hành, áp dụng các biện pháp đó sẽ xâm phạm trực tiếp tới các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận và bảo đảm. Theo Hiến pháp 2013, đó là các quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình, quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở... Theo đó, pháp luật TTTHS ghi nhận các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, được thể hiện trong các nguyên tắc cơ bản được quy định trong Bộ luật TTTHS, bắt buộc các chủ thể tiến hành tố tụng phải bảo đảm thực hiện.

Tuy nhiên, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và yêu cầu phát hiện, thu thập chứng cứ làm rõ VAHS phục vụ việc giải quyết đúng đắn VAHS nói riêng, pháp luật TTTHS vẫn ghi nhận quyền được tiến hành các biện pháp cưỡng chế, trong đó có BPĐT hình sự. Đây là những chế định pháp lý quan trọng, tạo dựng hành lang, làm cơ sở cho việc tiến hành, áp dụng các BPĐT đồng thời cũng làm nổi bật một trong số các đặc điểm đặc trưng của BPĐT là mang tính cưỡng chế.

Từ phân tích nêu trên, đối với BPĐT, đòi hỏi khi áp dụng, các cơ quan có thẩm quyền chỉ được tiến hành trong phạm vi, giới hạn cũng như trình tự, thủ tục mà luật TTTHS quy định, mọi hành vi áp dụng BPĐT không đúng đối tượng, thẩm quyền, căn cứ cũng như thủ tục đều bị coi là vi phạm pháp luật, người có hành vi vi phạm tuy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Trình tự, thủ tục áp dụng BPĐT được quy định chặt chẽ từ khi ra quyết định cho đến khi tiến hành.

Cũng giống như các biện pháp tố tụng khác được pháp luật quy định mà các chủ thể có thẩm quyền được áp dụng trong quá trình TTHS như các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp cưỡng chế khác trong tố tụng..., BPĐT được pháp luật TTHS quy định một cách chặt chẽ từ khi ra quyết định đến khi tiến hành, áp dụng và ghi nhận kết quả.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của hoạt động TTHS là xác định chân lý khách quan của sự việc phạm tội để giải quyết VAHS một cách đúng đắn, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng hành vi phạm tội, không làm oan, sai người vô tội. Để làm được điều đó, mắt xích quan trọng là hoạt động điều tra có hay không có thu thập đầy đủ, khách quan, khoa học, hiệu quả các chứng cứ để làm căn cứ giải quyết đúng đắn VAHS hay không? Bên cạnh đó, các tài liệu, đồ vật... chỉ được coi là chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh sự thật của vụ án khi chúng được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo phản ánh đúng các thuộc tính khách quan, liên quan và hợp pháp. Bởi vậy, Bộ luật TTHS quy định về căn cứ áp dụng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các BPĐT chặt chẽ nhất trong các biện pháp khác được pháp luật TTHS quy định. Điều đó được thể hiện trong việc quy định cụ thể từng BPĐT. Chẳng hạn, trong biện pháp khám xét, đối tượng của biện pháp này là người, chỗ ở, thư tín, điện tín..., mà nếu tiến hành cưỡng chế khám xét sẽ trực tiếp tác động, xâm phạm tới các quyền cơ bản của công dân như đã phân tích ở trên. Do đó, pháp luật TTHS quy định chặt chẽ về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục khám xét. Cụ thể như, chỉ được khám xét khi có căn cứ nhận định những nơi định khám xét đang cất giấu các vật chứng, đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án hoặc ở đó có đối tượng đang bị truy nã lẫn trốn, người bị bắt cóc, xác chết hoặc các phần của nó... Nếu chưa đủ căn cứ ra lệnh khám xét thì các cơ quan có thẩm quyền phải thu thập những tài liệu bổ sung, nếu việc thu thập những tài liệu bổ sung vẫn chưa đủ căn cứ khám xét thì không được ra lệnh khám xét...

1.2. Các yêu cầu chung về áp dụng biện pháp điều tra

1.2.1. Nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật Tố tụng hình sự

Từ đặc điểm của BPĐT thì việc áp dụng các BPĐT có ảnh hưởng trực tiếp tới việc có hay không có thu thập đầy đủ chứng cứ để chứng minh khách quan, toàn diện làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Mặt khác, việc áp dụng các BPĐT có ảnh hưởng trực tiếp tới các quyền cơ bản của công dân. Chính vì vậy, trong quá trình áp dụng các BPĐT, ĐTV, KSV không được làm trái với pháp luật, chống lại pháp luật. Tất cả các BPĐT được áp dụng phải theo đúng căn cứ, trình tự, thủ tục mà Bộ luật TTHS quy định, kết quả tiến hành phải được phản ánh chính xác, khách quan trong các văn bản tố tụng. Ngược lại, khi áp dụng các BPĐT vi phạm các quy định về căn cứ, trình tự, thủ tục tiến hành sẽ dẫn đến kết quả tiêu cực trong giải quyết đúng đắn VAHS, từ đó dẫn đến oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Trong quá trình áp dụng các BPĐT, không chỉ đơn thuần tuân theo pháp luật TTHS mà còn phải áp dụng hiệu quả những chiến thuật hình sự, do đó cần đặc biệt lưu ý nghiêm cấm không được áp dụng những biện pháp, phương tiện trái với pháp luật, không được pháp luật cho phép hoặc nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của pháp luật. Đây là yêu cầu đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa trong ĐTHS, đồng thời đây cũng là yêu cầu chung với TTHS với tất cả các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Ngoài việc tuân thủ nghiêm pháp luật TTHS còn phải triệt để tuân thủ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật hình sự và các văn bản pháp luật khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngoài việc đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa, việc áp dụng BPĐT cần chú ý tới các nguyên tắc xác định sự thật của vụ án: cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cần xác định đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. đồng thời, cần đảm bảo nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng: chủ thể áp dụng BPĐT phải tôn trọng sự thật khách quan, tôn trọng pháp

luật, tiến hành công việc của mình với thái độ thực sự công tâm, khách quan, vô tư, không để những tình cảm, quan hệ cá nhân chi phối.

1.2.2. Tôn trọng và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

Như đã phân tích ở trên, nhiều BPĐT mang tính cưỡng chế, do đó khi áp dụng sẽ đụng chạm nhiều đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Vì vậy, các BPĐT được áp dụng phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật cho phép, không được xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm, tài sản, sức khỏe của công dân, của những người tham gia tố tụng và những người khác, không được sử dụng bạo lực, tra tấn, nhục hình và những biện pháp trái pháp luật khác.

Đặc biệt, khi tiến hành, áp dụng các BPĐT cụ thể như khám xét người, chỗ ở... khám nghiệm, xem xét dấu vết trên thân thể không được xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, tài sản, không làm lộ bí mật đời tư... của đối tượng bị áp dụng. Khi tiến hành biện pháp lấy lời khai cần tôn trọng và bảo đảm các quyền mà pháp luật TTHS quy định đối với những người tham gia tố tụng, đặc biệt là bị can, bị cáo, người làm chứng..., không được ép cung, mớm cung, nhục hình với bị can, bị cáo. Khi tiến hành thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng cần bảo đảm sự an toàn, không gây nguy hiểm tới tính mạng, sức khỏe, tài sản cho những người tham gia và những người khác.

Bên cạnh đó, cũng cần phải chú ý, đối với BPĐT đặc biệt khi áp dụng sẽ ảnh hưởng và xâm phạm trực tiếp tới bí mật đời tư, danh dự, nhân phẩm... do đó cần nghiêm chỉnh tuân thủ đúng giới hạn pháp luật cho phép đảm bảo tôn trọng quyền cá nhân của đối tượng bị áp dụng.

1.2.3. Áp dụng các phương tiện kỹ thuật để phát hiện, thu giữ dấu vết tội phạm, vật chứng

Yếu tố con người trong hoạt động điều tra là yếu tố chủ yếu, song không phải là tất cả, hoạt động điều tra được hỗ trợ bởi các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phát hiện, thu giữ dấu vết tội phạm, vật chứng của vụ án. Ngày nay khoa học

kỹ thuật phát triển, theo đó tội phạm càng tinh vi, xảo quyệt đòi hỏi cán bộ điều tra cần phải sử dụng nhiều phương tiện kỹ thuật để giúp tìm kiếm ra những chứng cứ quan trọng mà con người, bằng mắt thường có thể không phát hiện ra. Đặc biệt trong các biện pháp khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, trung cầu giám định cần áp dụng một cách khoa học, có sự tính toán, chọn lọc các phương tiện, kỹ thuật chuyên dụng để truy tìm dấu vết tội phạm. Đối với BPĐT đặc biệt, cần sử dụng phương tiện kỹ thuật một cách khéo léo, linh hoạt, có hiệu quả tránh trường hợp bị phát hiện làm ảnh hưởng tới phương pháp tiến hành điều tra và uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng, gây hoang mang trong quần chúng.

Có thể nói, phương tiện kỹ thuật không chỉ quan trọng trong quá trình tìm ra chứng cứ, mà có nhiều phương tiện còn có tác dụng lưu giữ chứng cứ lâu dài, điều đó góp phần tích cực vào quá trình quá trình giải quyết VAHS và phòng chống tội phạm nói chung.

1.3. Hệ thống các biện pháp điều tra

Theo Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng 2016, *“hệ thống là tập hợp nhiều yếu tố, đơn vị cùng loại hoặc cùng chức năng, có quan hệ hoặc liên hệ với nhau chặt chẽ, làm thành một thể thống nhất”* [47]. Theo đó, có thể hiểu hệ thống các BPĐT hình sự là tập hợp các biện pháp được Bộ luật TTHS quy định có mối quan hệ hữu cơ với nhau, tạo thành một thể thống nhất nhằm mục đích phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ.

Để xác định hệ thống các BPĐT cần dựa trên cơ sở các loại nguồn chứng cứ và các biện pháp thu thập chứng cứ được quy định trong Bộ luật TTHS. Trong Bộ luật TTHS năm 2003 đang có hiệu lực thi hành quy định chứng cứ được xác định bằng:

- Vật chứng;
- Lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo;

- Kết luận giám định;
- Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác.

Để thu thập được những chứng cứ đó, Khoản 1 Điều 65 Bộ luật TTHS 2003 quy định: *“Để thu thập chứng cứ, CQĐT, Viện kiểm sát và Tòa án có quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày về những vấn đề có liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định, tiến hành khám xét, khám nghiệm và các hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.”*

Ngoài ra, Bộ luật TTHS năm 2015 quy định chứng cứ còn được xác định bằng các nguồn: lời trình bày; dữ liệu điện tử; định giá tài sản; biên bản trong hoạt động khởi tố, truy tố, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác. Để thu thập được chứng cứ, Điều 88 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định *“cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật này”*.

Mặt khác, Bộ luật TTHS là văn bản quy phạm pháp luật về TTHS có giá trị pháp lý cao nhất, chứ không phải là các văn bản quy phạm pháp luật khác. Do đó, từ cơ sở căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, các BPĐT phải là các biện pháp được quy định trong Bộ luật TTHS. Theo Bộ luật TTHS năm 2003 đang có hiệu lực thi hành, hệ thống các BPĐT bao gồm:

- Biện pháp lấy lời khai;
- Biện pháp đối chất;
- Biện pháp trưng cầu giám định;
- Biện pháp khám xét;
- Biện pháp khám nghiệm;
- Biện pháp thực nghiệm điều tra;
- Biện pháp nhận dạng.

Bên cạnh đó, Bộ luật TTHS 2015 đã quy định thêm nhóm các BPĐT tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; Nghe điện thoại bí mật; Thu thập bí mật dữ liệu điện tử (Điều 223 Bộ luật TTHS năm 2015).

Tuy nhiên, hiện nay vẫn đề xác định hệ thống các BPĐT hình sự chưa có ý kiến thống nhất. Còn có ý kiến cho rằng, kê biên tài sản, lấy mẫu để giám định... cũng là BPĐT.

Như vậy, pháp luật TTHS quy định một hệ thống gồm nhiều các BPĐT khác nhau mà căn cứ vào mục đích áp dụng các BPĐT đó có thể phân thành ba nhóm chính: các BPĐT phát hiện, thu thập chứng cứ; các BPĐT kiểm tra chứng cứ; các BPĐT đặc biệt.

1.3.1. Các BPĐT phát hiện, thu thập chứng cứ

**** Biện pháp lấy lời khai***

Lấy lời khai là BPĐT được Điều tra viên, hoặc Kiểm sát viên thực hiện bằng cách trực tiếp gặp và hỏi bị can, người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để thu thập những thông tin cần thiết cho việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án hình sự. Lấy lời khai bao gồm các hành vi sau:

- Hỏi cung bị can.

Hỏi cung bị can được tiến hành nhằm thu thập lời khai của bị can về các tình tiết có liên quan đến vụ án, phục vụ công tác điều tra và xử lý đối với vụ án đó.

Mục đích của hỏi cung bị can là thu thập đầy đủ, chính xác, khách quan lời khai của bị can về toàn bộ sự thật của vụ án có ý nghĩa đối với hoạt động điều tra và phòng ngừa tội phạm, gồm:

+ Thu thập, kiểm tra, củng cố chứng cứ để làm rõ nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị can và các đồng phạm khác.

+ Phát hiện những đồng phạm khác để kịp thời truy bắt, phát hiện những vật chứng còn cất giấu để kịp thời thu giữ, phát hiện những âm mưu và hành động chuẩn bị hay đang gây án để kịp thời ngăn chặn.

+ Khai thác mở rộng nhằm làm rõ quá trình hoạt động phạm tội của bị can và đồng bọn, thu thập những tài liệu để mở rộng hoạt động điều tra.

+ Làm rõ những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm để đề xuất các biện pháp phòng ngừa.

- Lấy lời khai người làm chứng.

Lấy lời khai người làm chứng do người có thẩm quyền tiến hành khai thác người làm chứng nhằm thu thập những thông tin cần thiết phục vụ công tác điều tra, xử lý vụ án.

Lấy lời khai người làm chứng mang tính phổ biến để khai thác mọi khả năng hiểu biết của người làm chứng về vụ án, gồm:

+ Thu thập những thông tin chính xác, đầy đủ, khách quan từ người làm chứng về những tình tiết của vụ án mà họ đã biết được.

+ Phát hiện thêm những tài liệu, những tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với việc mở rộng công tác điều tra và phòng ngừa tội phạm.

Khác với bị can và những người tham gia tố tụng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác, khai báo và khai báo trung thực về vụ án là nghĩa vụ của người làm chứng. Đây là điểm rất quan trọng trong việc triệu tập lấy lời khai, các hình thức để tác động tâm lý trong quá trình lấy lời khai người làm chứng.

- Lấy lời khai người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến VAHS.

Việc lấy lời khai những người nêu trên được tiến hành như lấy lời khai người làm chứng, đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định. Cần chú ý, do tính chất của những người này thường đứng trên quyền lợi đối lập nhau, do đó, để BPĐT này đạt hiệu quả trong việc phát hiện và thu thập được các chứng cứ khác quan trọng của vụ án cũng cần phải đối chiếu với nhiều các lời khai của các đối tượng khác và những chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra để tìm ra được lời khai chân thật, đáng tin cậy.

** Biện pháp khám xét*

Khám xét là BPĐT được tiến hành bằng cách tìm tòi, lục soát cưỡng chế người, chỗ ở, địa điểm, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm nhằm phát hiện, thu

giữ công cụ, phương tiện phạm tội; đồ vật, tài sản do phạm tội mà có, đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án hoặc phát hiện xác chết hay người đang bị truy nã, người bị bắt cóc [14, tr. 149].

Khám xét là biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ của vụ án. Điểm khác biệt và nổi bật của BPĐT này là mang tính cưỡng chế. Bởi khi tiến hành khám xét thường tác động trực tiếp đến các quyền bất khả xâm phạm về thân thể, chỗ ở, an toàn, bí mật về thư tín, điện tín của công dân. Do đó, BPĐT khám xét chỉ được tiến hành khi có đủ các căn cứ do pháp luật TTHS quy định và phê chuẩn của VKS trong một số trường hợp liên quan đến quyền hiến định của công dân.

BPĐT khám xét bao gồm:

- Khám người: là việc tiến hành tìm tòi, lục soát trong người, quần áo đang mặc và các đồ vật đem theo, kể cả phương tiện đi lại của họ, nhằm phát hiện và thu giữ công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Đối tượng bị khám người có thể là bị can; người bị bắt khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang; người bị truy nã hoặc người có mặt tại nơi khám xét khi có căn cứ cho rằng người đó đang giấu trong người đồ vật cần thu giữ.

- Khám xét chỗ ở: là việc tìm tòi, lục soát toàn bộ chỗ ở, đồ vật có trong phạm vi khu vực chỗ ở và những vùng phụ cận của nó. Chỗ ở là nơi một người hay một hộ sử dụng làm nơi cư trú như nhà riêng, căn hộ của Nhà nước, tập thể cho thuê để ở; buồng trọ, phòng trọ của khách sạn đã được tư nhân thuê để ở; các phương tiện giao thông như tàu, thuyền... của cá nhân hoặc do cá nhân thuê để ở, được giao để ở. Chỗ ở còn bao gồm cả những vùng phụ cận như vườn, đất đai, các công trình vệ sinh.

- Khám xét địa điểm: địa điểm là những khu vực nằm ngoài chỗ ở thuộc quyền quản lý của đối tượng khám xét. BPĐT khám xét địa điểm tương tự như khám xét tại chỗ ở.

- Khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm: là việc tiến hành, lục soát, xem xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm nhằm phát hiện, thu thập tài liệu, vật chứng của vụ án hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Đây là những thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm có thể chứa những tin tức, đồ vật, tài liệu chứng minh tội phạm đang trên đường vận chuyển của bưu điện. Những thư tín, điện tín tìm thấy trong người hay trong nhà của đối tượng thì coi như những đồ vật. Việc khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm chỉ được tiến hành khi có căn cứ cho rằng những thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện có liên quan đến vụ án cần phải thu giữ thì CQĐT ra lệnh thu giữ. Lệnh này phải được Viện Kiểm sát cùng cấp phê chuẩn, trong trường hợp không thể trì hoãn thì không cần lệnh phê chuẩn nhưng phải ghi rõ lý do vào biên bản.

** Biện pháp khám nghiệm*

- Khám nghiệm hiện trường.

Hiện trường là một khoảng không gian nhất định, không gian này có thể là nơi xảy ra hoặc nơi phát hiện ra các dấu vết, vật chứng của vụ án hoặc vụ việc có tính hình sự. Nơi phát hiện có thể trùng với nơi xảy ra hoặc không.

Khám nghiệm hiện trường là BPĐT được tiến hành tại hiện trường nhằm phát hiện, ghi nhận, thu lượm, bảo quản, nghiên cứu, đánh giá dấu vết, vật chứng của các vụ phạm tội hoặc vụ việc có tính hình sự đã xảy ra [14, tr. 71].

Khi tiến hành khám nghiệm hiện trường phải áp dụng các phương tiện kỹ thuật hình sự phù hợp để phát hiện, ghi nhận, thu lượm, bảo quản, nghiên cứu, đánh giá các loại dấu vết vật chứng của các vụ phạm tội hoặc vụ việc có tính hình sự để lại hiện trường. Một trong những đặc điểm riêng biệt của hiện trường là dễ bị biến đổi bởi sự tác động của tự nhiên, con người... do đó, biện pháp khám nghiệm hiện trường được luật TTHS quy định tiến hành trước khi có quyết định khởi tố VAHS hoặc sau khi có quyết định khởi tố VAHS.

- Khám nghiệm tử thi.

Khám nghiệm tử thi là BPĐT bằng cách thu thập thông tin trên thi thể người chết để xác định thời gian chết, nguyên nhân chết và thể loại chết; xác

định phương thức gây án và thủ đoạn che dấu hành vi phạm tội góp phần xác định diễn biến sự việc xảy ra, giúp làm rõ thủ phạm và động cơ gây án.

- Xem xét dấu vết trên thân thể.

Xem xét dấu vết trên thân thể là BPĐT bằng cách tiến hành xem xét trên thân thể người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng để phát hiện trên người họ dấu vết của tội phạm hoặc các dấu vết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Biện pháp này thường được tiến hành khi có căn cứ cho rằng trên thân thể người bị xem xét có dấu vết của tội phạm hoặc các dấu vết khác có ý nghĩa đối với vụ án. *Ví dụ:* qua lời khai của người bị hại, qua diễn biến của vụ án...

Khi xem xét dấu vết trên thân thể phải do người cùng giới tính tiến hành, người cùng giới chứng kiến và phải lập biên bản theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết thì có bác sỹ tham gia hoặc có thể trưng cầu giám định. ĐTV có quyền xem xét, ghi nhận, mô tả dấu vết, thu giữ dấu vết. Khi tiến hành biện pháp này phải lập biên bản theo quy định.

1.3.2. Các BPĐT kiểm tra chứng cứ

**** Biện pháp đối chất***

Đối chất là BPĐT hình sự do ĐTV thực hiện bằng cách đồng thời hỏi hai người về cùng một vấn đề nhằm làm rõ mâu thuẫn tồn tại giữa những lời khai của họ [16, tr. 184].

BPĐT đối chất được áp dụng khi: có mâu thuẫn trong lời khai giữa các đối tượng thuộc vấn đề cần giải quyết của vụ án; khi không còn biện pháp xác minh nào khác để giải quyết mâu thuẫn, làm rõ sự thật.

Đối chất có các đặc trưng cơ bản:

- + Hỏi hai người cùng một lúc theo trình tự, thủ tục Luật TTHS quy định.
- + Hỏi hai người về cùng một vấn đề của vụ án mà giữa lời khai của họ còn tồn tại mâu thuẫn.

Việc hỏi đồng thời hai người trong cùng một bối cảnh không gian và thời gian sẽ thiết lập những điều kiện để hai người được tri giác trực tiếp nội dung lời

khai và thái độ của nhau trong quá trình đối chất, là động lực thúc đẩy tâm lý nhiều chiều đối với những người được đưa ra đối chất. Sự tác động lẫn nhau đó thông qua sự hiện diện cùng một lúc giữa hai người, qua cử chỉ, lời khai... của từng người trong cuộc đối chất, do đó đã tác động mạnh mẽ vào tâm lý của người được đưa ra đối chất mà những hình thức hỏi từng người khác được pháp luật TTHS quy định không thể có được.

Pháp luật TTHS quy định khi lời khai có sự mâu thuẫn, không thống nhất về cùng sự kiện có ý nghĩa quan trọng với quá trình điều tra và xử lý vụ án mà ĐTV chưa có căn cứ khẳng định lời khai nào đúng, lời khai nào sai thì tiến hành đối chất. Người được đưa ra đối chất có thể là bị can, người bị tạm giữ, người làm chứng, người bị hại... Mỗi cuộc đối chất chỉ được đưa hai người ra, thành cặp đối chất. Các cặp đối chất phổ biến thường là bị can với bị can hoặc bị can với những người không phải là bị can. Do bị can thường có tâm lý sợ tội nặng nên tìm cách trốn tránh khai báo hoặc khai báo gian dối, còn những người khác có xu hướng khai báo trung thực hơn.

Thông qua đối chất giúp ĐTV thu được những thông tin làm căn cứ khẳng định lời khai nào đúng, lời khai nào sai, nguyên nhân của mâu thuẫn trong lời khai; làm chuyển đổi thái độ khai báo của người có thái độ khai báo gian dối, đánh giá được thái độ khai báo... của người đưa ra đối chất từ đó giúp đưa ra các BPĐT tiếp theo phù hợp giúp CQĐT thêm căn cứ làm rõ VAHS.

Điểm hạn chế của BPĐT đối chất là các đối tượng tham gia đối chất có thể thông cung, thống nhất lời khai một cách giả tạo từ việc tri giác trực tiếp nhau, nghe nội dung lời khai của nhau hoặc phản cung, thay đổi lại lời khai hoặc có những hành vi đe dọa, mua chuộc, thậm chí ẩu đả nhau giữa hai người đối chất...

** Nhận dạng*

Nhận dạng là BPĐT được tiến hành bằng cách tổ chức cho một người quan sát, so sánh, nhận lại đối tượng hiện tại với một đối tượng mà họ đã tri giác trước đây nhằm làm rõ sự đồng nhất, sự tương đồng hay khác biệt giữa đối tượng nhận dạng với đối tượng có liên quan đến vụ án [16, tr. 189].

BPĐT nhận dạng được áp dụng để xác định sự đồng nhất giữa đối tượng đưa ra nhận dạng với đối tượng mà người nhận dạng đã trực tiếp tri giác được trước đây có liên quan đến vụ án đang điều tra để phục vụ yêu cầu điều tra đặt ra. Kết luận về sự đồng nhất được đưa ra khi người nhận dạng khẳng định chính xác đối tượng đưa ra nhận dạng là đối tượng mà người nhận dạng đã tri giác trước đây có liên quan đến vụ án đang điều tra.

BPĐT nhận dạng được áp dụng có tác dụng chính là kiểm tra, xác minh những tài liệu chứng cứ đã thu thập được từ đó phát hiện, làm rõ thêm những tài liệu mới về vụ án đang điều tra như: phát hiện người phạm tội, phát hiện những tài liệu, vật chứng mới của vụ án, tung tích của người chết...

Việc nhận dạng có thể trực tiếp như người, tử thi, đồ vật, súc vật, tài liệu, địa điểm, công trình, ngôi nhà... hoặc gián tiếp như qua ảnh, giọng nói qua băng ghi âm, qua phim, video...

** Thực nghiệm điều tra*

Thực nghiệm điều tra là BPĐT được tiến hành thông qua các hoạt động thí nghiệm, thực nghiệm đặc biệt trong điều kiện tương tự như điều kiện mà hành vi, sự việc, hiện tượng cần kiểm tra, xác minh đã diễn ra trước đây để có cơ sở khách quan kết luận về hành vi, sự việc, hiện tượng đó phục vụ công tác điều tra, xử lý vụ án [14, tr. 167].

Thực nghiệm điều tra được áp dụng đối với những tài liệu, tình tiết đã thu thập được trong giai đoạn điều tra nhưng chưa xác định được tính khách quan và mức độ tin cậy của chúng, CQĐT có thể tổ chức thực nghiệm điều tra để kiểm tra, xác minh những tài liệu, tình tiết đó.

Bản chất của BPĐT thực nghiệm điều tra là tiến hành các hoạt động thí nghiệm, thực nghiệm đặc biệt. Đó là việc tái hiện lại diễn biến sự việc, hiện tượng trên cơ sở các thử nghiệm khoa học để tìm ra chân lý của thực tế hành vi đã diễn ra. Trên thực tế áp dụng biện pháp này, cơ quan tiến hành tố tụng đang có sự nhầm lẫn về thực nghiệm điều tra với diễn lại hành vi phạm tội tại hiện

trường. Trong khoa học TTHS và Bộ luật TTHS của Liên Bang Nga đây là hai BPĐT hoàn toàn độc lập với nhau. Do đó, cần nhận thức đúng đắn bản chất của BPĐT này, tránh nhầm lẫn, làm giảm hiệu quả áp dụng và sai quy định của pháp luật TTHS.

Cơ sở để tổ chức các hoạt động đó là lời khai của những người tham gia tố tụng như bị can, người bị tạm giữ, người bị hại, người làm chứng hay giả thuyết của ĐTV về hành vi, sự việc, hiện tượng cần kiểm tra, xác minh. Căn cứ vào lời khai của họ và các tài liệu đã thu thập được, CQĐT có thể xác định được loại thực nghiệm điều tra cần tổ chức, mục đích cụ thể cần đạt được cũng như các điều kiện cụ thể cần tái tạo để tiến hành hoạt động này.

Tác dụng của BPĐT thực nghiệm điều tra: giúp CQĐT kiểm tra, xác minh lời khai của bị can, người bị tạm giữ, người làm chứng, người bị hại; giúp CQĐT kiểm tra các giả thuyết điều tra đã đặt ra; giúp CQĐT củng cố chứng cứ phục vụ yêu cầu điều tra; mở rộng công tác điều tra phòng chống tội phạm.

- Trung cầu giám định

Trung cầu giám định trong ĐTHS là BPĐT của cơ quan có thẩm quyền, được tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS quy định, sử dụng các nhà chuyên môn tiến hành giám định tư pháp để kết luận về các vấn đề chuyên môn nhằm thu thập, củng cố, kiểm tra, đánh giá, xác lập chứng cứ, phục vụ điều tra, xử lý VAHS [14, tr. 188].

Trung cầu giám định có những hoạt động đặc trưng chủ yếu sau đây: xác định vấn đề chuyên môn cần làm rõ dưới dạng các câu hỏi; yêu cầu tổ chức hoặc người giám định tiến hành giám định tư pháp theo trình tự, thủ tục luật định; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc giám định (như: điều kiện về thời gian, số lượng, chất lượng đối tượng giám định...)

Trong thực tiễn điều tra VAHS, trung cầu giám định chủ yếu gồm: trung cầu giám định pháp y; trung cầu giám định pháp y tâm thần; trung cầu giám định kỹ thuật hình sự; trung cầu giám định kế toán, tài chính; trung cầu giám định văn hóa...

Cần lưu ý là phân loại này có tính ước lệ. Chẳng hạn như ĐTV hỏi cung bị cáo A, mấy ngày sau đó lại hỏi cung lại để kiểm tra lần hỏi cung trước. Hoặc sau đó KSV hỏi cung lại bị can A (phúc cung) với mục đích để kiểm tra, không phải vì mục đích thu thập chứng cứ.

1.3.3. Các biện pháp điều tra đặc biệt

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát hiện, xử lý tội phạm, luật pháp quốc tế cho phép các cơ quan tố tụng được áp dụng BPĐT tố tụng đặc biệt. Tuy nhiên, căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục phải hết sức chặt chẽ. Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Công ước về chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên đều ghi nhận và cho phép áp dụng các BPĐT đặc biệt, gồm: Vận chuyển có kiểm soát; các hình thức giám sát; hoạt động của lực lượng bí mật. Nghiên cứu luật TTHS các nước cho thấy đều có quy định về BPĐT đặc biệt; có nước dành riêng một chương trong Luật TTHS (Pháp, Đức) hoặc một mục (Trung Quốc) hoặc một số điều (Hoa Kỳ) để quy định. Sự khác nhau giữa luật các nước chủ yếu liên quan đến số lượng các biện pháp, tên gọi và kỹ thuật thể hiện trong luật để phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia.

Ở Việt Nam, khi Bộ luật TTHS năm 2015 chưa ra đời, BPĐT đặc biệt mới chỉ được đề cập có tính nguyên tắc trong các luật chuyên ngành (Luật An ninh quốc gia năm 2004 (Điều 24); Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (Điều 13) và giao cho Chính phủ quy định cụ thể. Do Bộ luật TTHS chưa quy định BPĐT đặc biệt nên chưa phát huy cao hiệu quả của các biện pháp này, nhiều trường hợp lãng phí nguồn chứng cứ quan trọng có ý nghĩa trực tiếp chứng minh tội phạm. Trên thực tế, các ĐTV một mặt phải đối diện với những rủi ro trong quá trình đấu tranh chống tội phạm, nhưng đồng thời cũng gặp không ít khó khăn trong việc chuyển hóa chứng cứ để được pháp luật công nhận. Đặc biệt, trước yêu cầu của Hiến pháp năm 2013: Mọi biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân phải do luật định đã đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu và xử lý nghiêm túc, thấu đáo vấn đề này.

Trên cơ sở cân nhắc các điều kiện cụ thể của nước ta về mọi mặt, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, các cam kết quốc tế của Việt Nam và tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp TTHS BPĐT đặc biệt đã được luật hóa trong Bộ luật TTHS 2015. Nghiên cứu các quy định pháp luật TTHS về BPĐT đặc biệt cho thấy:

- *Về trường hợp áp dụng*: BPĐT đặc biệt có thể được áp dụng trong các trường hợp: các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền; các tội phạm khác đặc biệt nghiêm trọng, có tổ chức; người tố giác, báo tin về tội phạm, bị hại đề nghị áp dụng đối với họ nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời tội phạm.

- *Về thẩm quyền áp dụng*: Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên có quyền ra quyết định áp dụng BPĐT tố tụng đặc biệt. Trường hợp vụ án đang được thụ lý, điều tra ở cấp huyện, cấp khu vực thì thủ trưởng CQĐT cấp huyện, cấp khu vực đề nghị thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh, cấp quân khu quyết định áp dụng...Quyết định áp dụng BPĐT tố tụng đặc biệt phải được Viện trưởng VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi tiến hành...

- *Về thời hạn áp dụng*: Thời hạn áp dụng BPĐT đặc biệt không quá hai tháng kể từ ngày phê chuẩn. Trong trường hợp phức tạp có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, thời hạn điều tra hoặc thời hạn quyết định việc truy tố quy định tại Bộ luật TTHS...

- *Về sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng BPĐT đặc biệt*: Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng BPĐT đặc biệt phải được gửi cho viện trưởng VKS đã phê chuẩn trong thời gian áp dụng biện pháp này và có thể được dùng làm chứng cứ trong TTHS. Trường hợp việc sử dụng chứng cứ ảnh hưởng đến an toàn của cá nhân liên quan hoặc có thể phát sinh hậu quả nghiêm trọng khác thì cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng biện pháp bảo vệ đặc biệt hoặc không làm lộ thân phận của người có liên quan. Thông tin, tài liệu thu thập được bằng việc áp dụng các BPĐT đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử VAHS, không được dùng vào mục đích khác; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ việc, vụ án phải bị tiêu hủy kịp thời.

- *Về hủy bỏ việc áp dụng BPĐT tổ tụng đặc biệt:* Quá trình áp dụng BPĐT tổ tụng đặc biệt, Thủ trưởng CQĐT đã ra quyết định áp dụng phải thường xuyên kiểm tra chặt chẽ việc áp dụng BPĐT Tổ tụng đặc biệt. Trong trường hợp không cần thiết phải áp dụng hay có vi phạm trong việc thi hành BPĐT tổ tụng đặc biệt thì có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hủy bỏ BPĐT tổ tụng đặc biệt. Đối với những vụ án mà CQĐT cấp huyện, CQĐT quân sự khu vực thụ lý áp dụng BPĐT tổ tụng đặc biệt khi muốn hủy bỏ phải có văn bản đề nghị CQĐT cấp tỉnh, CQĐT quân sự cấp quân khu để CQĐT cấp tỉnh, CQĐT quân sự cấp quân khu đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp hủy bỏ.

Viện trưởng VKS đã phê chuẩn quyết định áp dụng BPĐT tổ tụng đặc biệt phải kịp thời hủy bỏ quyết định đó khi thuộc một trong các trường hợp: có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng CQĐT có thẩm quyền; có vi phạm trong quá trình áp dụng BPĐT tổ tụng đặc biệt; không cần thiết tiếp tục áp dụng BPĐT tổ tụng đặc biệt.

Điểm đặc trưng cơ bản của BPĐT tổ tụng đặc biệt là yếu tố bí mật bao gồm bí mật về phương pháp tiến hành, bí mật về đối tượng áp dụng, bí mật về các thông tin, tài liệu không liên quan... nhưng lại được công khai về chứng cứ phục vụ công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa BPĐT tổ tụng đặc biệt với BPĐT hình sự thông thường nêu trên. Tuy nhiên, mục đích của việc áp dụng các BPĐT đặc biệt cũng giống như việc áp dụng các BPĐT hình sự khác là phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ chứng minh VAHS.

1.3.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp điều tra

Với ý nghĩa là các biện pháp được Bộ luật TTHS quy định nhằm mục đích phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ. BPĐT ngay từ tên gọi của nó đã thể hiện nó là biện pháp quan trọng, đóng vai trò quyết định trong làm rõ VAHS. Bởi vậy, chúng được thể hiện trong Bộ luật TTHS với tư cách là một thể thống nhất gồm nhiều các BPĐT khác nhau.

Các BPĐT có mối liên kết tương tác theo chiều sâu về mục đích sử dụng đồng thời còn thể hiện sự thống nhất đa dạng về các hành vi tổ tụng khác nhau

tạo thành một kết cấu của tổng thể các mối quan hệ, liên hệ thống nhất. Nói cách khác, với tư cách là một hệ thống, các BPĐT là sự liên kết và tương tác tạo thành nhiều mối quan hệ khác nhau: quan hệ giữa nội tại các BPĐT với nhau; quan hệ giữa BPĐT với các biện pháp tố tụng khác.

Các BPĐT có mối quan hệ chặt chẽ, tương hỗ với nhau. Các biện pháp lấy lời khai, khám xét, khám nghiệm được tiến hành áp dụng để phát hiện, truy tìm các tài liệu, vật chứng liên quan đến vụ án; các biện pháp đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định để kiểm tra, đánh giá tính đúng đắn của tài liệu, tình tiết, vật chứng. Tuy nhiên, tùy vào tình huống điều tra cụ thể khác nhau mà ta áp dụng các biện pháp khác nhau cho phù hợp đảm bảo tính hiệu quả cho việc chứng minh vụ án. Mối quan hệ hữu cơ, tương hỗ nhau giữa các BPĐT thể hiện ở mục đích cuối cùng của chúng là sử dụng để tìm và thu lượm ghi nhận một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ về dấu vết tội phạm phục vụ việc chứng minh làm rõ vụ án. Không có biện pháp nào là quan trọng, mang tính quyết định đối với biện pháp khác trong hệ thống các BPĐT.

Mối quan hệ hữu cơ này được thể hiện chính trong quá trình áp dụng chúng. Việc phân chia hệ thống chúng thành các nhóm cụ thể chỉ mang tính tương đối. Bản thân mỗi BPĐT có sự tác động qua lại, hỗ trợ nhau. Chẳng hạn, thông qua việc lấy lời khai ta cũng có thể kiểm tra được tính đúng đắn của các tài liệu, chứng cứ khác, đồng thời cũng đánh giá được giá trị chứng minh của các chứng cứ có đúng đắn hay không. Hoặc thông qua khám xét ta phát hiện, thu thập được các tình tiết, tài liệu, vật chứng của vụ án nhưng đồng thời cũng kiểm tra, đánh giá được lời khai của bị can có chính xác hay không. Có thể nói, các BPĐT là cách thức thực hiện các hành vi tố tụng khác nhau nhưng lại quan hệ chặt chẽ tương hỗ nhau.

Trong mối quan hệ tổng thể với các biện pháp tố tụng khác như biện pháp ngăn chặn, các biện pháp mang tính cưỡng chế đảm bảo cho hoạt động tố tụng như áp giải, dẫn giải... cũng thể hiện quan hệ hữu cơ, tương hỗ nhau. Chẳng hạn,

việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng như áp giải, dẫn giải người làm chứng để phục vụ cho hoạt động lấy lời khai người làm chứng hay áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ cũng một phần để ngăn không cho người đó tẩu thoát, tiêu hủy tài liệu, vật chứng của vụ án từ đó góp phần đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động khám xét để thu thập chứng cứ.

Như vậy, trong một mối quan hệ tổng thể, quá trình áp dụng các BPĐT này nảy sinh các yêu cầu sử dụng BPĐT kia đồng thời cần áp dụng các biện pháp tố tụng khác để bảo đảm cho việc thu lượm, ghi nhận các nguồn chứng cứ của vụ án. Điều đó thể hiện tính hệ thống trong mối quan hệ biện chứng, gắn bó chặt chẽ trong một chỉnh thể thống nhất của TTHS là giải quyết đúng đắn VAHS.

Kết luận chương 1

Nghiên cứu về phương diện lý luận, ở Chương 1 của luận văn đã trình bày nhận thức chung về BPĐT trong TTHS.

BPĐT hình sự là vấn đề lý luận, một chế định pháp luật TTHS, đòi hỏi các chủ thể áp dụng trong thực tiễn phải nhận thức một cách đúng đắn, khoa học, hiệu quả góp phần đảm bảo ANTT của đất nước. Tác giả đã làm rõ bản chất của hoạt động ĐTHS, từ đó khái quát, phân tích các quan niệm khác nhau về BPĐT và đưa ra khái niệm BPĐT. Trên cơ sở phân tích, làm rõ đặc điểm mang tính đặc trưng của BPĐT trong TTHS, từ đó phân biệt với các biện pháp khác có liên quan và đưa ra yêu cầu chung khi áp dụng BPĐT trong TTHS.

Trình bày có tính hệ thống về các BPĐT trong pháp luật TTHS, dựa vào mục đích áp dụng các BPĐT chia hệ thống các BPĐT thành: nhóm các BPĐT phát hiện, thu thập chứng cứ; nhóm các BPĐT kiểm tra, đánh giá chứng cứ; nhóm các BPĐT đặc biệt – lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật TTHS năm 2015. Nêu rõ và làm nổi bật tính hệ thống của BPĐT hình sự trong mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng giữa chúng và với các biện pháp tố tụng khác.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA VÀ KINH NGHIỆM MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Quy định về biện pháp điều tra trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

2.1.1. Từ 1945 đến khi Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 ra đời

- Giai đoạn từ 1945-1953.

Liên quan đến hoạt động điều tra, ngày 21/2/1946 Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ Cộng hoà ký Sắc lệnh số 23/SL thành lập Việt Nam Công an vụ, một trong các nhiệm vụ của Việt Nam Công an vụ là “*Điều tra về những hành động trái phép... và truy tìm người can phạm để giúp Toà án trong sự trừng trị*”. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên của nước ta đặt nền móng cho việc hình thành chế định pháp luật TTHS về ĐTHS. Trên cơ sở Sắc lệnh này, ngày 5/4/1946 Bộ Nội vụ ban hành nghị định số 219/VN-NĐ về tổ chức, nhiệm vụ của Công an các cấp.

Ngày 20/7/1946, Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ban hành sắc lệnh số 131/SL về tổ chức Tư pháp Công an. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên của Nhà nước ta quy định tổ chức và nhiệm vụ của tư pháp Công an - nay là điều tra theo pháp luật TTHS. Cùng với sắc lệnh số 130/SL ngày 20/8/1948 sửa đổi Sắc lệnh số 131/SL, quy định một số chức danh Công an với tư cách là Ủy viên Tư pháp Công an có toàn quyền điều tra các vụ phạm pháp. Việc chỉ đạo, kiểm soát “*tổ chức và hoạt động tư pháp Công an*” thuộc thẩm quyền của các Chương lý, Biện lý (sau này là Công tố, Kiểm sát) thuộc ngành Toà án. Thời kỳ này số cán bộ điều tra thực tế chỉ là người giúp việc cho Ủy viên Tư pháp Công an kiêm luôn vai trò chấp pháp, xét hỏi bị can.

Ngày 12/5/1951, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 05/CT-TU về nhiệm vụ và tổ chức Công an; theo đó, Công an có nhiệm vụ: “... *điều tra khám phá tổ chức và hoạt động của bọn gián điệp; điều tra nghiên cứu tổ chức và hoạt*

động của những tổ chức chính trị, phản động trong nước;... điều tra khám phá để bài trừ trộm cắp, gian phi, mại dâm, rượu, thuốc phiện, theo dõi khám phá những hành động có hại đến trị an của xã hội...”. Đây là văn kiện rất quan trọng, xác định thống nhất về tổ chức và nhiệm vụ điều tra tội phạm của ngành Công an trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu của Cách mạng.

** Đánh giá về các QPPL về ĐTHS giai đoạn từ 1945-1953 cho thấy:*

+ Số lượng QPPL chuyên ngành về ĐTHS tuy chưa nhiều nhưng các quy phạm cơ bản về hoạt động điều tra, BPĐT đã hình thành và được quy định trong các văn bản pháp luật chung về lĩnh vực bảo vệ ANTT.

+ Các văn bản chỉ đạo trong tiến hành TTHS nói chung và ĐTHS nói riêng có tính chất chính trị - pháp lý, tuy nhiên lại có tác dụng rất lớn, rất thiết thực trong việc chuẩn bị cho sự hình thành và phát triển hệ thống các quy phạm pháp luật chuyên ngành ĐTHS sau này.

- Giai đoạn 1953 – 1975.

Thực hiện chỉ thị số 05/CT-TU, ngày 16/02/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 141/SL, đổi Nha Công an Việt Nam thành Thứ Bộ Công an, Sắc lệnh này quy định tổ chức bộ máy của Thứ Bộ Công an, trong đó nổi bật là việc thành lập cơ quan Chấp pháp ở ngành Công an là một bước chuyển đổi cơ bản về tổ chức và hoạt động điều tra tư pháp ở nước ta.

Năm 1955, Bộ Công an tách bộ phận quản lý trại cải tạo ra khỏi lực lượng chấp pháp; theo đó, chuyên Vụ Chấp pháp (Phòng xét hỏi) trở thành Phòng Chấp pháp thuộc Vụ bảo vệ chính trị, có nhiệm vụ: theo dõi tình hình bắt, giam giữ, hỏi cung, xét xử ở các địa phương; theo dõi nghiên cứu những vụ án lớn ở địa phương, hướng dẫn xử lý; xét hỏi các vụ án của các phòng trình sát đã hoàn thành để xử lý; làm báo cáo tuần, tháng, năm về bắt, giữ, hỏi cung, xét xử.

Năm 1957, Chủ tịch nước ra Sắc lệnh số 002/SLT quy định những trường hợp phạm pháp quả tang, những trường hợp khẩn cấp và những trường hợp khám người phạm pháp quả tang.

Ngày 24/12/1958, Thủ tướng Chính phủ ra Thông tư số 556/TTg về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với việc bắt giữ, truy tố, xét xử của các ngành Công an, Công tố và Toà án. Thông tư nêu các khuyết điểm về việc bắt giữ, truy tố, xét xử của các ngành, chỉ ra các nhiệm vụ, nguyên tắc tiến hành điều tra, truy tố, xét xử để các ngành thực hiện.

Ngày 20/7/1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký lệnh công bố Pháp lệnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Cảnh sát nhân dân. Trong số 8 quyền hạn, có quyền hạn cụ thể về *“bắt, tạm giữ, tạm tha, khám người, khám đồ vật, thư tín và tạm giữ tang vật theo pháp luật quy định”*.

Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 23 (ngày 4/01/1969) đã xác định *“khẩn trương chấn chỉnh công tác chấp pháp, hoàn thành việc xây dựng và hướng dẫn thực hiện các chế độ công tác chấp pháp, trước hết là chế độ bắt, giam giữ, khám xét, quản lý tang vật...”*. Thực hiện nghị quyết này, trong những năm sau đó, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành một số văn bản pháp luật quan trọng có liên quan trực tiếp tới việc áp dụng các BPĐT, đó là:

+ Quyết định số 435/BCA ngày 6/6/1969 ban hành *“Chế độ công tác bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét người, đồ vật, nhà ở, thư tín của người phạm pháp”*, trong đó quy định về nguyên tắc, quyền hạn và thủ tục, phương pháp, chiến thuật bắt, giam giữ, khám xét nhằm tăng cường trấn áp đối với kẻ phạm tội và bảo đảm quyền tự do dân chủ của công dân. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên về công tác bắt, giam giữ, khám xét ở nước ta có nội dung tương đối cơ bản, toàn diện về pháp luật TTHS. Đồng thời là cơ sở để *“luật hoá”* (sau này, Bộ luật TTHS quy định việc bắt người phạm tội, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, kê biên tài sản).

+ Quyết định số 367/QĐ ngày 20/3/1971 ban hành “*Chế độ thu giữ, bảo quản, xử lý tang vật của vụ án mà bị can đã bị bắt, giam giữ hoặc tại ngoại xét hỏi*”. Việc thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng sau này được quy định trong Bộ luật TTHS (tang vật được hiểu dưới khái niệm vật chứng).

+ Quyết định số 543/QĐ ngày 02/6/1971 ban hành “*Chế độ công tác xét hỏi bị can*”. Nội dung gồm: xét hỏi là BPĐT công khai, trực diện đối với bị can nhằm làm rõ sự thật vụ án và vấn đề có liên quan; nhiệm vụ của công tác xét hỏi bị can; nguyên tắc công tác xét hỏi; phương pháp cơ bản công tác xét hỏi; phương pháp cụ thể xét hỏi bị can; trình tự tiến hành công tác xét hỏi; nội dung cần thực hiện khi xét hỏi; trình tự xét hỏi; mối quan hệ giữa cán bộ xét hỏi với cán bộ trinh sát, cán bộ quản lý trại giam. Đây vừa là một văn bản có tính lý luận, vừa là văn bản pháp luật đầu tiên ở nước ta quy định toàn diện, sâu sắc về phương pháp, chiến thuật xét hỏi bị can. Đồng thời cũng là cơ sở để “luật hoá” (sau này, Bộ luật TTHS quy định về hỏi cung bị can).

* *Đánh giá về các quy phạm pháp luật về ĐTHS giai đoạn 1953 – 1975 cho thấy:*

Số lượng quy phạm pháp luật chuyên ngành về ĐTHS và các văn bản pháp luật chung về lĩnh vực bảo vệ ANTT có chứa quy phạm về ĐTHS tăng lên một cách đáng kể. Các quy phạm không chỉ quy định những vấn đề cơ bản mà còn đề cập khá sâu sắc toàn diện về hoạt động điều tra, BPĐT. Đặc biệt, cùng với việc lập ra một cơ quan chuyên trách về công tác chấp pháp (điều tra xét hỏi), chỉ trong trong một thời gian ngắn, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành một số văn bản pháp luật quan trọng, đó là các chế độ công tác bắt, giam giữ, khám xét, quản lý tang vật.... làm cơ sở để “luật hoá” về các quy định ĐTHS trong Bộ luật TTHS sau này.

- *Giai đoạn 1975 – 1988.*

Để bảo đảm ANTT ở miền Nam sau giải phóng, đầu năm 1976, Ban đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ra Chỉ thị số 03/CT-76 (ngày 20/1/1976; về

việc chấn chỉnh công tác trấn áp, bắt giữ, khám xét, giam giữ đối tượng; Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra Sắc luật số 02/SL76 (ngày 15/3/1976) quy định việc bắt, giam, khám người, khám nhà ở, khám đồ vật. Sau đó, ngày 13/7/1976, Bộ Công an đã ra Chi thị số 02 về việc chấn chỉnh công tác bắt, giam giữ và xử lý các loại tội phạm ở miền Nam. Đây là những văn bản pháp luật cần thiết, đáp ứng kịp thời yêu cầu điều tra, xử lý tội phạm, giữ vững ANTT ở miền Nam.

Ngày 15/12/1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 31-NQ/TW về công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, trong đó, xác định BPĐT, xét hỏi là một trong sáu biện pháp công tác cơ bản mà CAND được áp dụng.

Ngày 12/6/1981, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 250/HĐCP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Nội vụ. Theo Nghị định này, Cục Chấp pháp ở Bộ (và Phòng Chấp pháp ở Công an tỉnh, thành phố) được tách làm 2 đơn vị độc lập là An ninh điều tra và Cảnh sát điều tra nhằm thực hiện chuyên sâu trong công tác. Căn cứ Nghị định số 250/HĐCP, Bộ trưởng Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Cục An ninh điều tra xét hỏi và Cục Cảnh sát điều tra xét hỏi.

** Đánh giá về các văn bản chỉ đạo và các quy phạm pháp luật về điều tra giai đoạn này cho thấy:*

Số lượng văn bản tuy không nhiều nhưng là các văn bản rất quan trọng, có tính quyết định về việc thành lập cơ quan ĐTHS theo hướng chuyên môn hoá sâu (an ninh, cảnh sát), đặc biệt là xác định BPĐT là một trong sáu biện pháp công tác cơ bản của CAND.

Từ việc nghiên cứu các quy phạm pháp luật về ĐTHS giai đoạn từ 1945 đến 1988 cho thấy:

Từ năm 1945 đến trước khi Bộ luật TTHS đầu tiên năm 1988 ra đời, các quy định pháp lý về hoạt động ĐTHS nói chung và các BPĐT hình sự nói riêng được ban hành với số lượng chưa lớn, nội dung chưa đầy đủ, phần lớn mới chỉ

quy định về tổ chức CQĐT và thẩm quyền điều tra và chủ yếu là các dạng văn bản dưới luật. Theo đó, tính hợp lý là chưa cao trong việc quy định về chế định điều tra trong ĐTHS. Điều đó không chỉ ảnh hưởng tới hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà còn cho thấy hoạt động lập pháp trong TTHS còn đặt ra rất nhiều nhiệm vụ khá nặng nề cần thực hiện. Tuy nhiên, các quy định pháp lý đó đã phần nào đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về đấu tranh phòng chống tội phạm ở giai đoạn đó và là những tiền đề quan trọng làm cơ sở cho việc “*luật hóa*” các quy định về hoạt động ĐTHS trong Bộ luật TTHS.

2.1.2. Từ năm 1988 đến nay

- Giai đoạn từ năm 1988 đến trước khi Bộ luật TTHS năm 2003 ra đời.

Trải qua một thời gian dài tổng kết, đánh giá thực tiễn, học hỏi kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới, Bộ luật TTHS đầu tiên của nhà nước ta đã ra đời năm 1988 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1989. Bộ luật TTHS đầu tiên ra đời là một điểm mốc lớn trong lịch sử phát triển pháp luật TTHS Việt Nam, có tác động tích cực trong quá trình TTHS nói chung và hoạt động ĐTHS nói riêng.

Bộ luật TTHS năm 1988 lần đầu tiên chính thức ghi nhận về mặt pháp lý “*quy định về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng và các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân, nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội*”.

Quy định về hoạt động ĐTHS, Bộ luật TTHS năm 1988 đã dành 6 chương với 62 điều luật từ Điều 83 đến Điều 140 để quy định những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động ĐTHS tại Phần thứ hai của Bộ luật về “*Khởi tố và điều tra vụ án hình sự*”. Phần lớn các điều luật này được dành để quy định về trình tự, thủ tục tiến hành các BPĐT cụ thể. Trong đó quy định các BPĐT cụ thể sau đây: *hỏi cung bị can; lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đối chất, nhận*

dạng; khám xét; thu giữ, tạm giữ; khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; thực nghiệm điều tra; giám định.

Để đảm bảo hiệu quả thực tiễn áp dụng trong ĐTHS, các cơ quan tiến hành tổ tụng theo chức năng luật định đã kịp thời ban hành, bổ sung các văn bản pháp luật theo thẩm quyền nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc phát sinh trong quá trình ĐTHS. Cụ thể:

Ban hành Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS năm 1989 và Thông tư số 79/TT/VKSTC ngày 15/9/1989 của VKS nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS. Đây cũng là Pháp lệnh đầu tiên quy định về tổ chức tiến hành điều tra VAHS. Pháp lệnh này là một cơ sở pháp lý mang tính chuyên biệt về hoạt động ĐTHS, căn cứ vào đó CQĐT và các cơ quan khác được tiến hành một số hoạt động điều tra được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, pháp lệnh chỉ chủ yếu nói về cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của CQĐT mà chưa đề cập nhiều về các BPĐT cũng như áp dụng các BPĐT.

Bộ Công an ban hành Chỉ thị số 26 ngày 22/12/1993 và Quyết định số 262 ngày 27/5/1993 về phân công, phân cấp thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra với các CQĐT của lực lượng CAND. Đây cũng là một trong những các chế định pháp lý quan trọng, căn cứ vào đó các chủ thể được tiến hành áp dụng các BPĐT theo chức năng, nhiệm vụ riêng của mình.

- Giai đoạn từ năm 2003 đến nay.

Để phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách kinh tế, cải cách hành chính, cải cách tư pháp thúc đẩy quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quán triệt tư tưởng, quan điểm, định hướng về cải cách tư pháp được đề ra tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác Tư pháp trong thời gian tới*”, ngày 26/11/2003, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật TTHS năm 2003. Bộ luật TTHS năm 2003 là sự kế thừa và phát triển của Bộ luật TTHS năm 1988. Bộ luật dành 8

chương với 70 điều luật từ điều 100 đến điều 169 để quy định những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động ĐTHS tại Phần thứ hai của Bộ luật về “*Khởi tố, điều tra vụ án hình sự và quyết định việc truy tố*”. Tuy nhiên, về quy định các BPĐT, cũng giống như Bộ luật TTHS năm 1988 phần lớn các điều luật này được dành để quy định về trình tự, thủ tục tiến hành các BPĐT cụ thể, đồng thời khái niệm pháp lý của tất cả các BPĐT hình sự chưa được xác định trong Bộ luật này. Bộ luật TTHS năm 2003 không bổ sung thêm BPĐT nào, mà cơ bản, các BPĐT vẫn được xác định như Bộ luật TTHS năm 1988.

Ngoài ra, dựa trên những quy định mang tính nguyên tắc của Bộ luật TTHS về CQĐT, ngày 20/8/2004, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS. Tại Pháp lệnh quy định nhiệm vụ của CQĐT là được áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định (Điều 3), trong đó có các BPĐT hình sự.

Để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong thời kỳ mới, ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”. Ngay sau đó, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Phòng, chống tham nhũng, theo đó thành lập cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng tại Bộ Công an, Thanh tra chính phủ và Viện kiểm sát nhân dân tối cao và quyết định sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS năm 2004 để tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan này trong hoạt động TTHS.

- *Bộ luật TTHS năm 2015 về các BPĐT hình sự.*

Bộ luật TTHS năm 2015 đã thể chế hóa đầy đủ, sâu sắc chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, Hiến pháp 2013. Về quy định các BPĐT, Bộ luật TTHS năm 2015 đã kế thừa và phát triển các quy định về hoạt động điều tra nói chung, các BPĐT nói riêng của Bộ luật TTHS năm 2003. Các BPĐT tuy cơ bản vẫn được xác định như cũ, nhưng nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành các BPĐT

được bổ sung nhiều theo hướng đảm bảo tính khách quan của biện pháp được thực hiện.

Bộ luật quy định chặt chẽ căn cứ và thủ tục tiến hành các BPĐT có ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân, như: Biện pháp khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu. Với BPĐT hỏi cung bị can bắt buộc ghi âm, ghi hình khi hỏi cung bị can tại trụ sở giam giữ hoặc tại CQĐT, nhằm phản ánh trung thực quá trình hỏi cung, chống bức cung, nhục hình, đồng thời là căn cứ quan trọng để bảo vệ các cán bộ tư pháp đã tiến hành tố tụng đúng luật. Ngoài ra, Bộ luật TTHS 2015 đã bổ sung tương đối đầy đủ các BPĐT và các biện pháp hỗ trợ BPĐT nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, như: các biện pháp cưỡng chế tố tụng, các biện pháp ngăn chặn, biện pháp nhận biết giọng nói, định giá tài sản. Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp TTHS, BPĐT tố tụng đặc biệt được quy định trong Bộ luật TTHS, góp phần quan trọng trong thu thập, củng cố chứng cứ chứng minh tội phạm, là hành lang pháp lý quan trọng mà cơ quan tiến hành tố tụng được áp dụng công khai, phát huy hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm mà vốn chỉ được điều chỉnh trong các luật chuyên ngành. Những sửa đổi, bổ sung đó phù hợp với định hướng tăng cường tính dân chủ trong hoạt động tố tụng, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta.

** Nghiên cứu các quy phạm pháp luật tố tụng về BPĐT hình sự ở giai đoạn này cho thấy:*

Đối với mỗi BPĐT đều có những điều luật trong Bộ luật TTHS điều chỉnh. Các quy định điều chỉnh đó có thể chia thành ba nhóm:

Nhóm 1: quy định về điều kiện áp dụng BPĐT.

Nhóm 2: quy định về trình tự, thủ tục áp dụng BPĐT.

Nhóm 3: quy định về những biện pháp bảo đảm cho việc áp dụng BPĐT.

Thứ nhất: Về điều kiện áp dụng BPĐT bao gồm điều kiện chung và điều kiện riêng.

Điều kiện chung:

+ Vụ án phải được khởi tố, trừ BPĐT khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi.

+ Người áp dụng là chủ thể hợp pháp: có sự phân công chính thức và tiếp nhận chính thức vụ việc; có đủ điều kiện để tham gia vào vụ án với tư cách là người tiến hành tố tụng, không bị thay đổi. Pháp luật TTHS quy định ĐTV, KSV là những chủ thể trực tiếp áp dụng BPĐT, đồng thời quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm pháp lý khi tiến hành điều tra.

+ Địa điểm và thời gian thực hiện: địa điểm tiến hành xác định theo địa điểm điều tra tức là theo thẩm quyền điều tra về lãnh thổ. Trong trường hợp đặc biệt, có thể tiến hành ở nơi khác do ĐTV trực tiếp tiến hành hoặc ủy quyền điều tra. Các BPĐT không được tiến hành vào ban đêm trừ trường hợp do luật định mang tính cấp bách, không thể trì hoãn.

Điều kiện riêng:

Mỗi BPĐT cụ thể, luật đều quy định những căn cứ tiến hành và điều kiện đặc thù, dựa vào đó có thể lựa chọn đúng đắn BPĐT trong những tình huống cụ thể.

+ Căn cứ tiến hành: là hiện diện những thông tin về sự cần thiết phải thu thập chứng cứ của vụ án thông qua chính biện pháp áp dụng. Căn cứ là những thông tin cụ thể và phải được VKS hoặc Tòa án kiểm tra, xác nhận về tính xác thực. Xác định không đúng căn cứ áp dụng có thể dẫn đến tiến hành áp dụng trái pháp luật, thay thế trái pháp luật BPĐT này bằng BPĐT khác. Trên thực tế, việc áp dụng các BPĐT thường gặp trường hợp thay thế nhận dạng bằng đôi chất, thay thế trưng cầu giám định bằng thực nghiệm điều tra, thực nghiệm điều tra bằng diễn lại hiện trường. Điều này dẫn đến hậu quả kết quả thu được không được thừa nhận là chứng cứ.

+ Điều kiện đặc thù: là những yêu cầu của luật đặt ra đối với các chủ thể tham gia và đối với địa vị tố tụng của họ với các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Phạm vi chủ thể tham gia BPĐT có thể có tính chất bắt buộc, cũng có thể không bắt buộc, có tính tùy nghi do ĐTV quyết định. Đáng chú ý, sự tham gia của bị can vào quá trình tiến hành, áp dụng rất hạn chế, kể cả khi có yêu cầu. Điều đó xuất phát từ mô hình tố tụng của Việt Nam là mô hình tố tụng thẩm vấn. Do đó, cơ quan tiến hành tố tụng xây dựng các hoạt động điều tra chủ yếu dựa trên phương pháp điều chỉnh mệnh lệnh – bắt buộc chấp hành. Các hoạt động điều tra chủ yếu dựa vào quyền lực từ một phía, đó là cơ quan tiến hành tố tụng và kết quả của chúng được thừa nhận chứng cứ trước Tòa án. Sự tham gia của các bên trong hoạt động điều tra này mang tính tùy nghi và phụ thuộc vào quyền quyết định của ĐTV. Thông thường, bị can không được tham dự vào những lần lấy lời khai của người làm chứng. ĐTV cũng là người quyết định việc sửa chữa biên bản ghi lời khai.

Điều kiện đặc thù của BPĐT hỏi cung là phải tổng đạt quyết định khởi tố bị can; đối với BPĐT nhận dạng là lấy lời khai trước người nhận dạng về những dấu hiệu của người hoặc vật; đối với BPĐT trưng cầu giám định là tổng đạt quyết định trưng cầu giám định. Pháp luật đòi hỏi trong quyết định tiến hành, áp dụng BPĐT phải thể hiện rõ căn cứ đặc thù nếu có. Theo quyết định của CQĐT có thể áp dụng các hoạt động khai quật tử thi để tiến hành khám nghiệm, xem xét dấu vết trên thân thể, khám nhà, thu giữ tài liệu đồ vật..., trong một số trường hợp bắt buộc phải có sự phê chuẩn của VKS.

Thứ hai: Về trình tự, thủ tục tiến hành áp dụng BPĐT.

Trình tự, thủ tục tiến hành trải qua các bước:

Bước 1: chuẩn bị, bao gồm ra các quyết định (quyết định khám xét, trưng cầu giám định, thực nghiệm điều tra, khám nghiệm hiện trường...), áp dụng các biện pháp bảo đảm thực hiện (áp giải, dẫn giải...).

Bước 2: xác định nhân thân của những người tham gia (bị can, người làm chứng, người bị hại...), giải thích quyền và nghĩa vụ, nhiệm vụ và trình tự tiến

hành, cảnh báo về trách nhiệm hình sự cho người làm chứng, người bị hại, giám định viên. Đây là yêu cầu bắt buộc, đòi hỏi ĐTV, KSV khi tiến hành hoạt động điều tra phải giải thích cho các chủ thể bị áp dụng về thái độ khai báo, trách nhiệm hình sự về việc khai báo gian dối, từ chối khai báo đối với người làm chứng, người bị hại, về việc từ chối việc giám định khi không có lý do chính đáng, khách quan với Giám định viên.

Bước 3: thực hiện các chiến thuật (kỹ năng thực hiện), là nội dung chính của việc tiến hành, áp dụng. ĐTV, KSV khi áp dụng BPĐT một mặt phải tuân thủ quy định pháp luật TTHS, một mặt phải vận dụng linh hoạt, sáng tạo các quy định của pháp luật đó để tiến hành điều tra đạt được mục đích, yêu cầu điều tra.

Bước 4: ghi nhận tiến trình thực hiện và kết quả thu được vào các biên bản tố tụng, gồm các biên bản ghi lời khai, hỏi cung, nhận dạng, đối chất, thực nghiệm điều tra... Mỗi BPĐT áp dụng đều được phản ánh vào biên bản. Bộ luật TTHS quy định, chứng cứ được xác định bằng các biên bản của hoạt động tố tụng. Cách thức trình bày, nội dung phản ánh thông tin điều tra được quy định cụ thể trong Bộ luật TTHS, đòi hỏi ĐTV, KSV cần khi tiến hành lập biên bản phải nghiêm chỉnh chấp hành để đảm bảo giá trị chứng cứ.

Thứ ba: Về những biện pháp bảo đảm cho việc áp dụng.

Để bảo đảm và hỗ trợ cho việc áp dụng BPĐT, pháp luật tố tụng quy định các biện pháp như biện pháp ngăn chặn, biện pháp dẫn giải, áp giải (bị can, bị cáo, người làm chứng...), đối với hiện trường trước khi được CQĐT khám nghiệm được tiến hành các biện pháp bảo vệ, canh giữ không để hư hỏng, xáo trộn các thông tin, dấu vết tội phạm.... Trong những trường hợp bị can, bị cáo, người làm chứng... bị bệnh không có đủ khả năng khai báo khách quan thì tiến hành biện pháp bắt buộc phải chữa bệnh...

** Đánh giá các quy định của pháp luật TTHS về BPĐT ở giai đoạn này rút ra một số vấn đề:*

+ Đây là thời kỳ pháp luật chuyên ngành về ĐTHS phát triển và hoàn thiện nhất cho đến nay. Việc Bộ luật TTHS năm 2015 và Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015 là bước ngoặt trong tiến trình hoàn thiện pháp luật TTHS về lĩnh vực ĐTHS. Bên cạnh đó, cùng với nhiều các văn bản quy phạm pháp luật khác về lĩnh vực ĐTHS được ban hành tạo thành một hệ thống các văn bản pháp luật đồng bộ, điều chỉnh toàn diện các hoạt động TTHS nói chung và áp dụng các BPĐT hình sự nói riêng.

+ Các quy phạm pháp luật về ĐTHS nói chung và BPĐT hình sự nói riêng phát triển theo hướng ngày một pháp điển hóa càng đầy đủ; quy định ngày càng toàn diện, chi tiết hơn. Đặc biệt, hệ thống các BPĐT được Bộ luật TTHS quy định một cách khoa học, chặt chẽ tạo hành lang pháp lý quan trọng trong quá trình thu thập chứng cứ chứng minh VAHS.

+ Tổ chức và mô hình điều tra mới đã được xác lập và ngày càng được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện nay.

2.2. Biện pháp điều tra trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới

Trung Quốc là một nước ở châu Á, Trung Quốc có nhiều nét tương đồng với Việt Nam về các mặt chính trị, lịch sử, văn hóa và tư pháp. Nga là một nước chuyển từ chế độ xã hội chủ nghĩa sang chế độ tư bản chủ nghĩa, ở lĩnh vực tư pháp đang có nhiều sự kết hợp, thử nghiệm khác nhau. Pháp là một quốc gia phương Tây điển hình, thuộc hệ thống pháp luật Âu châu lục địa, có nền tư pháp ổn định. Các Quốc gia này có nền tư pháp mang ảnh hưởng và có mối liên hệ sâu sắc tới nền tư pháp của Việt Nam. Do đó, việc so sánh, nghiên cứu các quy định cụ thể về BPĐT hình sự trong Bộ luật TTHS của các nước này có ý nghĩa thực tiễn rất lớn trong tiếp thu kinh nghiệm lập pháp với quá trình hoàn thiện pháp luật TTHS ở nước ta về các BPĐT.

2.2.1. Biện pháp điều tra trong Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Luật TTHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) được ban hành vào năm 1979, sửa đổi lần đầu tiên năm 1996 cho đến nay, sau 16 năm, quyết định về việc sửa đổi đã được biểu quyết thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2012 tại kỳ họp thứ năm Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XI.

Các quy định về điều tra, trong đó có áp dụng các BPĐT, được quy định tại Chương II, Phần thứ hai của Bộ luật. Trong đó, các điều quy định từ Mục 2 đến Mục 8 của Chương II, Phần hai, đã chỉ rõ các BPĐT, bao gồm:

- Mục 2: Thẩm vấn nghi can (từ Điều 116 đến 121).
- Mục 3: Lấy lời khai người làm chứng, lấy lời khai người bị hại (từ Điều 122 đến 125).
- Mục 4: Khám nghiệm, kiểm tra (từ Điều 126 đến 133).
- Mục 5: Khám xét (từ Điều 134 đến 138).
- Mục 6: Niêm phong, tịch biên vật chứng, tài liệu làm chứng (từ Điều 139 đến 143).
- Mục 7: Giám định (từ Điều 144 đến 147)
- Mục 8: Kỹ thuật điều tra đặc biệt (từ Điều 148 đến 152)

Nghiên cứu Bộ luật TTHS Trung Quốc có liên quan đến quy định về BPĐT cho thấy:

- Về kỹ thuật lập pháp: Mỗi BPĐT được quy định thành một mục riêng biệt. Các BPĐT đều quy định về chủ thể, căn cứ, trình tự, thủ tục, địa điểm tiến hành, áp dụng một cách chi tiết, cụ thể.

Về nội dung luật điều chỉnh về BPĐT:

- Việc điều tra, lập hồ sơ vụ án do cơ quan công an đảm nhiệm; việc phê chuẩn lện bắt giữ, kiểm sát việc điều tra, khởi tố do Viện kiểm sát nhân dân đảm nhiệm, mọi cơ quan, đoàn thể, cá nhân khác đều không có những quyền hạn nêu trên.

- Những BPĐT trong Luật TTHS Việt Nam và Trung Quốc có nhiều BPĐT như nhau mặc dù tên gọi có phần khác nhau (như Việt Nam quy định là hỏi cung bị can, BPĐT tố tụng đặc biệt, Trung Quốc là thẩm vấn nghi can, kỹ thuật điều tra đặc biệt...). Tuy nhiên, loại hình BPĐT của Việt Nam nhiều hơn (như Việt Nam có quy định BPĐT đối chất nhưng Trung Quốc không quy định...)

- Trong một số BPĐT cụ thể Việt Nam quy định cụ thể hơn, Trung Quốc chỉ quy định chung chung, như biện pháp khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, Trung Quốc chỉ quy định chung chung tại Mục 4: Khám nghiệm, kiểm tra; Việt Nam quy định cụ thể từng biện pháp lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Trung Quốc chỉ quy định chung về “lấy lời khai người làm chứng” tại Mục 3.

- Trong nhiều BPĐT, Trung Quốc quy định chặt chẽ mang tính chất dễ áp dụng hơn so với Việt Nam, như: quy định về thời gian triệu tập, buộc đời triệu tập đối với bị can để tiến hành thẩm vấn; việc ghi âm, ghi hình khi thẩm vấn bị can chỉ bắt buộc với bị can có thể bị tuyên chung thân, tử hình hoặc bị can trong các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; với việc áp dụng BPĐT đặc biệt Trung Quốc quy định cụ thể hơn Việt Nam về mặt kỹ thuật áp dụng...

2.2.2. BPĐT trong Bộ luật TTHS Liên bang Nga

Bộ luật TTHS năm 2001 của Liên bang Nga được Đu - ma quốc gia Nga thông qua ngày 22/11/2001 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2002 thay thế cho Bộ luật TTHS năm 1960 thời Xô viết đã hệ thống và ghi nhận các quy định về hoạt động điều tra trên cơ sở những nguyên tắc mang tính dân chủ và pháp quyền.

Điều tra ban đầu (từ Điều 223 đến 226) chỉ tiến hành đối với những vụ án, khởi tố đối với những người cụ thể và được tiến hành theo thủ tục quy định trong Bộ luật TTHS. Việc điều tra ban đầu được tiến hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày khởi tố vụ án đến ngày ra quyết định chuyển vụ án cho KSV. Thời hạn này có thể được KSV gia hạn những không quá 10 ngày.

Điều tra dự thẩm quy định các BPĐT, gồm:

- Mục 23: Khởi tố bị can đưa ra lời buộc tội trong đó BPĐT hỏi cung bị can quy định tại Điều 173.

- Mục 24: Khám nghiệm, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra (từ Điều 176 đến 181).

- Mục 25: Khám xét, thu giữ, tạm giữ bưu kiện, bưu phẩm, kiểm tra và ghi âm các cuộc đàm thoại (từ Điều 182 đến 186).

- Mục 26: Lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, kiểm tra lời khai ở hiện trường hay còn gọi là diễn lại hiện trường theo cách gọi ở Việt Nam (từ điều 187 đến 194).

- Mục 27: Giám định tư pháp (từ Điều 195 đến 207)

Điều tra trước tòa do Tòa án Liên bang Nga thực hiện (từ Điều 273 đến 291) bao gồm các biện pháp: lấy lời khai của bị cáo; lấy lời khai người bị hại; lấy lời khai người làm chứng; lấy lời khai người giám định; trung cầu giám định; xem xét chỗ ở và địa điểm; thực nghiệm điều tra; nhận dạng; xem xét dấu vết trên thân thể.

Nghiên cứu Bộ luật TTHS Liên bang Nga quy định về các BPĐT hình sự, cho thấy:

- Về kỹ thuật lập pháp: Luật TTHS Liên bang Nga và Việt Nam đều quy định hệ thống các BPĐT tương đối giống nhau. Mỗi BPĐT đều được luật TTHS Nga điều chỉnh bằng một Mục cụ thể.

- Về mặt nội dung quy định các BPĐT: Luật TTHS Liên bang Nga quy định một cách chặt chẽ, cụ thể hơn so với Việt Nam, như: với mỗi BPĐT đều quy định cụ thể với từng điều luật về căn cứ áp dụng, thủ tục tiến hành, địa điểm thực hiện, áp dụng....

Ngoài ra, so với Bộ luật TTHS Việt Nam, Bộ luật TTHS Liên bang Nga điều chỉnh về các BPĐT còn có nhiều điểm tiên bộ, khoa học hơn, căn cứ để áp dụng hơn, như:

+ Về BPĐT khám nghiệm, Luật TTHS Liên bang Nga quy định phạm vi rộng hơn, với Việt Nam chỉ quy định về khám nghiệm hiện trường và tử thi nhưng Nga quy định khám nghiệm cả chỗ ở, địa điểm, đồ vật và tài liệu.

+ Luật TTHS Nga thừa nhận nhiều BPĐT được tiến hành trước khi khởi tố vụ án trong những trường hợp cần thiết, như: khám nghiệm hiện trường, khai quật và khám nghiệm tử thi...

+ Trong biện pháp lấy lời khai, Bộ luật TTHS Nga còn quy định cụ thể tại điều 194 về biện pháp kiểm tra lời khai tại hiện trường để kiểm tra hoặc làm sáng tỏ những tình tiết có liên quan đến vụ án tại nơi có liên quan đến sự kiện đang được điều tra, theo đó lời khai trước đó của bị can, của người bị hại hay của người làm chứng có thể được kiểm tra tại hiện trường, nơi liên quan đến tình tiết sự kiện mà CQĐT muốn làm rõ. Điểm nổi bật ở BPĐT này là Luật TTHS Nga quy định:

Đây là BPĐT có mục đích là kiểm tra về tính có căn cứ của những thông tin trong lời khai của BC, NBH, NLC trình bày trước đó

BPĐT này phải thực hiện tại chính địa điểm (hay còn gọi là hiện trường) nơi xảy ra sự kiện cần làm rõ.

Tại đây các chủ thể như bị can, người bị hại hoặc người làm chứng mô tả, tái hiện lại bối cảnh, sự kiện mà họ đã khai trước đó bằng cách chỉ rõ đồ vật, tài liệu, dấu vết, diễn lại những hành vi cụ thể... Không được có bất kỳ tác động hoặc can thiệp nào từ bên ngoài. Không được tiến hành cùng một lúc kiểm tra tại hiện trường đối với nhiều người.

+ Về quy định chung (yêu cầu áp dụng) các BPĐT Luật TTHS Nga quy định rõ tại Điều 164, đáng chú ý là việc nhấn mạnh *“nghiêm cấm việc sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực và những biện pháp trái pháp luật khác, cũng như biện pháp có nguy cơ gây nguy hiểm về tính mạng, sức khỏe của những người tham gia hoạt động điều tra”*.

+ Chủ thể tiến hành áp dụng các BPĐT trong điều tra dự thẩm là Dự thẩm viên, Dự thẩm viên có thẩm quyền tiến hành độc lập bằng các quyết định tố tụng và áp dụng BPĐT.

Về các BPĐT đặc biệt Luật TTHS Nga không quy định thành một Mục, chương cụ thể, mà chỉ quy định thông qua một số điều luật (như Điều 186 về “*Giám sát và ghi âm các cuộc trao đổi; thu thập thông tin về liên lạc giữa những thuê bao và các thiết bị thuê bao*”) tuy nhiên vẫn đảm bảo đủ căn cứ, trình tự, thủ tục áp dụng một cách chặt chẽ và khoa học và chỉ giới hạn trong các tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; trong các trường hợp cụ thể khi có sự đe dọa việc dùng vũ lực, tống tiền hoặc những hoạt động phạm tội khác đối với người bị hại, người làm chứng hoặc những người họ hàng thân thích của họ...

2.2.3. Biện pháp điều tra trong Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp

Bộ luật TTHS Cộng hòa Pháp được Nghị viện Pháp ban hành theo Luật số 57-1426 ngày 31/12/1957 và có hiệu lực thi hành từ năm 1958. Bộ luật này có 803 điều chia thành 5 quyển. Quyển thứ nhất quy định về thực hiện quyền công tố và điều tra bao gồm 3 Thiên, 8 Chương, 24 Mục, trong đó quy định về việc thực thi quyền công tố và thủ tục tiến hành điều tra của Cảnh sát tư pháp, Viện Công tố và Tòa án. Tại Cộng hòa Pháp, những người có thẩm quyền công tố và điều tra bao gồm: người có chức danh Cảnh sát tư pháp, Viện trưởng Viện công tố và Dự thẩm của Tòa án.

BPĐT (cũng như các biện pháp ngăn chặn, các biện pháp tố tụng khác) là những chế định pháp luật quan trọng được quy định trong Bộ luật TTHS Pháp rất cụ thể, chi tiết, do đó, bảo đảm sự chặt chẽ, khả thi và dễ áp dụng. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm lập pháp cũng như nội dung của chế định BPĐT hình sự trong Bộ luật TTHS Pháp cho thấy:

Cộng hòa Pháp có 3 hệ thống CQĐT, gồm: Cảnh sát tư pháp, Quân cảnh và Tòa điều tra, trong đó Cảnh sát tư pháp chịu trách nhiệm chính về thực hiện

nhiệm vụ điều tra dưới sự lãnh chỉ đạo của Viện công tố và sự giám sát của Tòa điều tra. Ngoài ra, luật quy định một số cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra trong một số lĩnh vực chuyên ngành. Các cơ quan này có thẩm quyền thực hiện truy tìm và lập biên bản các vi phạm, hỗ trợ việc bắt, thực hiện các cuộc điều tra pháp lý theo bản buộc tội của Công tố viên hoặc theo sự ủy quyền của Thẩm phán.

Hệ thống các BPĐT được Bộ luật TTHS Pháp quy định chủ yếu tại Chương 1, Phần III, quyển thứ nhất, gồm:

- Mục 3: Khám xét và tịch thu (Điều 92 đến 99-4).
- Mục 4: Lấy lời khai của nhân chứng (Điều 101 đến 113-8).
- Mục 5: Hỏi cung và đối chất (Điều 114 đến 136).
- Mục 9: Giám định (Điều 156 đến 169-1).
- Chương IV, Phần IV, quyển 1: Khám nghiệm tử thi.

Ngoài ra các biện pháp khác như khám nghiệm hiện trường, xem xét dấu vết, thực nghiệm điều tra... được Bộ luật quy định lồng ghép vào các điều luật cụ thể trong Bộ luật theo cách thức và nội dung khác nhau.

Với các BPĐT đặc biệt, Bộ luật quy định tại quyển IV, bao gồm:

- Thâm nhập (Điều 706-81 đến 706-87).
- Hệ thống âm thanh và xác định hình ảnh tại một số địa điểm hoặc trong một số phương tiện đi lại (Điều 706-96 đến 706-102).
- Nắm bắt những dữ liệu tin học (Điều 706-102-1 đến 706-102-9).

Ngoài ra, các BPĐT đặc biệt cũng được Bộ luật TTHS Pháp quy định lồng ghép vào nội dung của nhiều điều luật để phù hợp cho việc áp dụng phục vụ điều tra cho từng trường hợp điều tra cụ thể.

So với Bộ luật TTHS Việt Nam, về nội dung điều chỉnh với mỗi biện pháp, Bộ luật đều quy định cụ thể căn cứ, chủ thể, trình tự, thủ tục áp dụng rất chi tiết, dễ áp dụng tương ứng với từng trường hợp điều tra cụ thể.

** Một số vấn đề rút ra khi nghiên cứu các quy định về BPĐT trong Luật TTHS của một số nước trên thế giới:*

So sánh những quy định về BPĐT hình sự trong Bộ luật TTHS các nước nói trên với quy định của pháp luật TTHS cho thấy có một số nét tương đồng và cũng có sự khác biệt nhất định:

+ *Về những điểm tương đồng:*

- Các BPĐT hình sự là những chế định pháp luật quan trọng được quy định trong Bộ luật TTHS của các nước và trong Bộ luật TTHS của nước ta.

- Các BPĐT trong pháp luật TTHS đều được quy định khá đầy đủ, rõ ràng và chi tiết về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành.

- Một số BPĐT (BPĐT đặc biệt) được xác lập trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại (nghe, nhìn, quay phim, chụp ảnh bí mật...).

- Pháp luật thừa nhận giá trị chứng minh (chứng cứ) đối với những vật chứng, thông tin, tài liệu được cơ quan có thẩm quyền thu thập bằng áp dụng các BPĐT theo luật định.

+ *Về những điểm khác biệt:*

- Tùy từng mô hình, cách thức tổ chức ĐTTHS của từng quốc gia dẫn đến việc quy định thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể áp dụng BPĐT hình sự cũng khác nhau, trong đó, quyền hạn của ĐTV theo pháp luật Việt Nam còn hạn chế hơn so với các chủ thể có thẩm quyền áp dụng BPĐT hình sự tương tự ở các nước khác.

- Có nhiều điểm khác nhau về trình tự, thủ tục tiến hành từng BPĐT hình sự quy định trong Bộ luật TTHS của các nước so với quy định trong Bộ luật TTHS của Việt Nam. Điều đó là lẽ đương nhiên, bởi mỗi quốc gia có một đặc trưng riêng về pháp luật và đời sống thực tiễn nên pháp luật cũng phản ánh và phù hợp với thực tiễn đó.

- Về kỹ thuật lập pháp, thể hiện rõ hai xu hướng quy định chế định pháp luật về BPĐT hình sự khác nhau, hoặc là quy định chung (bảo đảm tính khái quát, nhưng cần có văn bản dưới luật để hướng dẫn), hoặc là quy định cụ thể, chi tiết (bảo đảm sự chặt chẽ và khả thi, dễ áp dụng).

Nghiên cứu, so sánh, đánh giá rút ra kết luận về việc quy định các BPĐT hình sự trong Bộ luật TTHS của các nước có ý nghĩa thực tiễn và là sự cần thiết để hoàn thiện các quy phạm pháp luật về áp dụng các BPĐT ở nước ta.

Tiếp thu kinh nghiệm của các nước, để phù hợp với Hiến pháp 2013, tăng cường và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, cần tiếp tục kế thừa các quy định của Bộ luật TTHS về số lượng và nội dung các BPĐT. Cần quy định chặt chẽ, cụ thể hơn để dễ áp dụng hơn, đồng thời bổ sung, học hỏi những quy định trong căn cứ, thủ tục và chủ thể áp dụng, thời gian tiến hành với từng BPĐT cụ thể của các nước mà Việt Nam chưa có...

Kết luận chương 2

Chương 2 của Luận văn đã phân tích thực trạng quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về các BPĐT. Theo đó, tác giả đã phân tích, làm rõ quá trình hình thành, phát triển pháp luật về các BPĐT từ năm 1945 đến nay theo các giai đoạn lịch sử. Trong mỗi giai đoạn đều rút ra đánh giá, nhận xét cần thiết, tạo cơ sở để đề xuất hoàn thiện pháp luật về BPĐT. Đồng thời, tác giả nghiên cứu, làm sáng tỏ về mặt quy định pháp luật thực định về căn cứ, điều kiện, chủ thể, trình tự, thủ tục áp dụng các BPĐT hiện nay.

Nghiên cứu so sánh về BPĐT hình sự được quy định trong Bộ luật TTHS của một số nước trên thế giới như Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; Liên bang Nga và Cộng hòa Pháp và so sánh với pháp luật TTHS Việt Nam cho thấy có nhiều điểm tương đồng, nhưng cũng có sự khác biệt nhất định. Những kết luận rút ra từ việc nghiên cứu BPĐT hình sự quy định trong Bộ luật TTHS của các nước là sự cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình hoàn thiện các quy phạm pháp luật về BPĐT ở Việt Nam.

Chương 3

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

3.1. Thực trạng áp dụng các biện pháp điều tra trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

3.1.1. Tình hình tội phạm trên địa bàn quận Cầu Giấy

Quận Cầu Giấy nằm ở phía Tây và nằm lọt vào vị trí trung tâm của thủ đô Hà Nội, có một vị trí đặc địa, trở thành vùng trọng điểm phát triển của Thủ đô. Hiện tại, quận Cầu Giấy gồm 8 phường: Dịch Vọng, Dịch Vọng Hậu, Mai Dịch, Nghĩa Đô, Nghĩa Tân, Quan Hoa, Trung Hòa, Yên Hòa, với tổng diện tích là 12,04 km².

Giai đoạn 2011 – 2016, quận Cầu Giấy được ghi nhận với nhiều thành tựu kinh tế – xã hội nổi bật thể hiện ở sự tăng trưởng khá, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt so với chỉ tiêu đề ra. Trong đó, thương mại dịch vụ với tốc độ tăng bình quân 17,6%/năm, chiếm trên 61% cơ cấu kinh tế của quận với các loại hình dịch vụ chất lượng cao như tài chính, ngân hàng, tư vấn, giáo dục, y tế, bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học,... Công nghiệp xây dựng chiếm trên 38%, tăng bình quân 13%. Tổng thu ngân sách của cả giai đoạn ước đạt gần 18 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, Khu công nghệ thông tin tập trung thu hút được nhiều doanh nghiệp. Trong đó có nhiều tập đoàn lớn của thế giới. Mỗi năm, khu này đóng góp cho ngân sách từ 4000 – 5000 tỷ đồng, thu hút khoảng 10.000 lao động... [51].

Bên cạnh những thành tựu kinh tế - xã hội nêu trên, tình hình ANTT nói chung và tình hình tội phạm hình sự nói riêng có nhiều yếu tố đặc thù, đang chứa đựng, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp trong điều tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội ở quận đang có xu hướng thay đổi nhanh theo tốc độ phát triển của nền kinh tế.

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn quận tương đối ổn định, không thấy xuất hiện các tổ chức, đảng phái, đối tượng phản động hoạt động. Số các đối tượng quản lý nghiệp vụ về an ninh quốc gia hầu hết đã già yếu, không có các hoạt động gây mất ổn định an ninh chính trị. Số lượng người nước ngoài trên địa bàn quận không nhiều và chủ yếu tập trung và làm việc ở các công ty, doanh nghiệp không có biểu hiện vi phạm ANTT.

Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường với sự đa dạng về các loại tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường, tuy nhiên được sự quan tâm của các cấp chính quyền, đoàn thể, đặc biệt tổ chức tốt việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, tình hình tội phạm đang có xu hướng giảm nhanh. Trung bình mỗi năm cơ quan chức năng trên địa bàn quận tiếp nhận và xử lý hơn 500 vụ việc hình sự. Trong đó, nổi lên một số vấn đề:

- Các tội phạm xâm phạm nhân thân và xâm phạm quyền sở hữu diễn biến bất thường, phức tạp, nơi xảy ra chủ yếu là các phường Dịch Vọng, Dịch Vọng Hậu và Mai Dịch. Đối tượng phạm tội chủ yếu là những người có trình độ văn hóa thấp và từ nơi khác tới cư trú, sinh sống. Tính chất hoạt động đơn lẻ, chỉ có một số ít phạm tội có sự cấu kết với nhau thành các băng nhóm.

- Số vụ trộm cắp tài sản xảy ra tương đối nhiều, chủ yếu là trộm cắp tài sản của công dân. Nguyên nhân của trộm cắp chủ yếu là hậu quả của tệ nạn cá độ bóng đá, số đề và một số ít là do bột phát của những thành niên khi cần tiền ăn chơi hoặc thiếu việc làm.

- Tội phạm ma túy vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Trên tất cả cả phường của quận đều là địa bàn phức tạp của tội phạm ma túy hoạt động, đặc biệt là tại các quán karaoke trên trục đường Quan Hoa – Nguyễn Khang thuộc phường Quan Hoa.

- Các tội phạm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn xã hội có chiều hướng giảm nhờ công tác tuyên truyền giáo dục và chủ động ngăn ngừa. Tuy nhiên, loại

tội phạm sử dụng bạo lực như cố ý gây thương tích, cướp, cướp giật tài sản... lại có chiều hướng gia tăng, đặc biệt nhiều vụ phạm tội có đồng phạm và có dấu hiệu băng nhóm theo kiểu xã hội đen với đa dạng đối tượng và thành phần, trong đó có không ít đối tượng thuộc địa bàn khác đến gây án.

Tội phạm ở địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội có diễn biến hết sức phức tạp về quy mô, tổ chức, cơ cấu, thành phần... Tội phạm hình sự diễn biến phức tạp và có xu hướng trẻ hóa, tính chất nghiêm trọng không giảm, nhất là các tội có sử dụng bạo lực như cướp, cố ý gây thương tích, tội phạm kinh tế gia tăng trong nhiều lĩnh vực, như: buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm sở hữu trí tuệ, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng cấm...; tội phạm ma túy tiếp tục tăng với tính chất hoạt động tinh vi, chống đối quyết liệt hơn...

3.1.2. Thực tiễn áp dụng các biện pháp điều tra từ thực tiễn quận Cầu Giấy

Hiện nay, số liệu về thực tiễn áp dụng các BPĐT hình sự không được các cơ quan tiến hành tố tụng thống kê một cách đầy đủ, chi tiết, mặt khác những tài liệu ghi nhận việc tiến hành, áp dụng các BPĐT trong quá trình điều tra trên địa bàn quận cũng không được công khai mà được bảo quản, lưu giữ theo chế độ tài liệu mật. Do đó, nghiên cứu thực tiễn việc áp dụng các BPĐT giai đoạn từ năm 2012 đến 2016 được tác giả nghiên cứu và đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết năm, các sổ theo dõi công tác tại các cơ quan tiến hành tố tụng và trao đổi với các cán bộ trực tiếp làm công tác thực tiễn ĐTHS tại quận Cầu Giấy.

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2016, phần lớn các vụ án được tiến hành hoạt động điều tra, xử lý thuộc các loại nhóm tội về hình sự, kinh tế, ma túy và tội khác với các tội danh như: Giết người; giết người, cướp tài sản; cướp giật tài sản; lừa đảo chiếm đoạt tài sản; cố ý gây thương tích; tàng trữ, vận chuyển mua bán ma túy; đánh bạc; tổ chức đánh bạc; mô giới mại dâm; chứa mại dâm; hủy hoại tài sản; hiếp dâm; tàng trữ vũ khí quân dụng; chống người thi hành công vụ;

gây rối trật tự công cộng; làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức... Cụ thể, số vụ án, số bị can thông qua bảng thống kê sau:

Bảng 3.1. Thống kê theo dõi số vụ, số bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy

Năm	Tổng số vụ	Tổng số bị can	Hình sự		Kinh tế		Ma túy		Khác	
			Vụ	BC	Vụ	BC	Vụ	BC	Vụ	BC
2012	514	867	223	368	16	21	195	325	80	153
2013	483	806	203	330	13	15	182	296	85	167
2014	497	722	222	341	7	8	189	248	79	125
2015	383	567	197	329	11	12	103	121	72	105
2016	370	541	172	287	9	11	121	141	68	102

(Nguồn: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an quận Cầu Giấy)

Từ bảng thống kê cho thấy, trong 5 năm, số lượng VAHS mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy tiến hành điều tra với số lượng bị can là rất lớn, tuy nhiên đang có xu hướng giảm dần về số vụ nhưng vẫn còn khá cao. Cho thấy, việc tiến hành áp dụng BPĐT trong hoạt động ĐTHS là thường xuyên liên tục. Trong đó, các vụ án liên quan đến trật tự an toàn xã hội do Đội Cảnh sát hình sự thụ lý điều tra với các vụ án mờ (án chưa rõ đối tượng phạm tội); các vụ án liên quan đến kinh tế do Đội Cảnh sát điều tra kinh tế thụ lý điều tra; các vụ án liên quan đến tội phạm ma túy do Đội Cảnh sát phòng chống ma túy thụ lý điều tra; còn các vụ án khác và các VAHS đã rõ đối tượng do Đội điều tra tổng hợp thụ lý điều tra.

Qua trao đổi với các ĐTV, KSV, 100% các vụ án đều tiến hành áp dụng các BPĐT, trong đó, đối với BPĐT lấy lời khai được áp dụng với tất cả các vụ án. BPĐT đối chất được áp dụng với tỉ lệ trên gần 1/3 tổng số vụ án.

Ngoài ra đối với các BPĐT khác được áp dụng thể hiện qua bảng thống kê sau từ số theo dõi điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy như sau:

Bảng 3.2. Thống kê số lượng vụ án có áp dụng các BPĐT của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy

Năm	Tổng số vụ	Khám xét				Khám nghiệm	Trung cầu giám định	Thực nghiệm điều tra	Nhận dạng	
		Tổng số	Khám người	Khám chỗ ở, địa điểm	Xem xét dấu vết trên thân thể				Người	ảnh, đồ vật
2012	512	368	193	173	2	247	398	318	12	402
2013	483	356	189	164	3	268	401	362	17	376
2014	497	295	175	115	5	291	427	346	9	384
2015	383	268	178	183	7	208	302	287	15	307
2016	370	301	135	163	3	179	293	232	6	296
Tổng	2.245	1.588	870	798	20	1.193	1.821	1.545	59	1.765

(Nguồn: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy)

Từ bảng số liệu trên, kết hợp với nghiên cứu hồ sơ vụ án và trao đổi trực tiếp với các ĐTV của Cơ quan Cảnh sát điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra cho thấy, các BPĐT được áp dụng thường xuyên, đa dạng với từng vụ án, cụ thể:

Số vụ án tiến áp dụng BPĐT khám xét chiếm tỉ lệ 70,7% tổng số vụ án, trong đó: khám người chiếm 54,8%, khám chỗ ở, địa điểm chiếm 50,3%, xem xét dấu vết trên thân thể chiếm 5,1% tỉ lệ số vụ án có tiến hành khám xét. Số vụ án tiến hành áp dụng BPĐT khám nghiệm chiếm tỉ lệ 53,1% tổng số vụ án. Số vụ

án tiến hành áp dụng BPĐT trung cầu giám định chiếm tỉ lệ 81,1% tổng số vụ. Số vụ án tiến hành, áp dụng BPĐT thực nghiệm điều tra chiếm tỉ lệ 68,8% tổng số vụ án. Số vụ án tiến hành, áp dụng BPĐT nhận dạng chiếm tỉ lệ 78,6% tổng số vụ án. Trong đó: BPĐT khám xét và trung cầu giám định được áp dụng với hầu hết các vụ án, phần lớn là các vụ ma túy, kinh tế; BPĐT khám nghiệm: khám nghiệm hiện trường áp dụng chủ yếu với các vụ án cố ý gây thương tích, tai nạn giao thông, trộm cắp tài sản, giết người; BPĐT thực nghiệm điều tra được áp dụng chủ yếu với các vụ án cướp tài sản, cướp giật tài sản, cố ý gây thương tích, giết người; BPĐT nhận dạng chủ yếu được tiến hành nhận dạng ảnh và đồ vật (chủ yếu là xe máy)... với các vụ trộm cắp tài sản, cướp tài sản...

Trong quá trình áp dụng các BPĐT, các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận luôn được sự quan tâm sát sao của Ban chỉ huy Công an quận. Đáng chú ý, đối với hoạt động điều tra đều được quán triệt và thực hiện theo nội dung chỉ đạo chung trong các cuộc họp liên ngành CQĐT – VKS – Tòa án. Do đó, tạo được sự thống nhất cao từ các giai đoạn điều tra, truy tố đến xét xử VAHS, qua đó đã hạn chế tối đa các vi phạm pháp luật TTHS, đồng thời hạn chế tối đa các trường hợp VKS trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, điều tra lại hoặc đình chỉ điều tra.

3.1.3. Đánh giá việc áp dụng các biện pháp điều tra từ thực tiễn quận Cầu Giấy

3.1.3.1. Những kết quả đạt được

Việc áp dụng các BPĐT hình sự tại địa bàn quận Cầu Giấy từ năm 2012 đến 2016 đã đem lại những hiệu quả tích cực nhất định trong việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn áp dụng, trong thời gian qua, những kết quả đạt được có thể khái quát với những nét chính sau:

Về mặt nhận thức lý luận các BPĐT đối với hoạt động ĐTHS: các chủ thể có thẩm quyền áp dụng BPĐT hình sự đã nắm vững được vị trí, vai trò, tác dụng

và hiểu được những quy định của luật TTHS, nghĩa là đã nắm được phương pháp, phương tiện để thực hiện. Bên cạnh đó, các chủ thể có quyền áp dụng BPĐT hình sự cũng đã nắm vững diễn biến tình trạng phạm tội của người phạm tội, tình hình và sự biến đổi của nền kinh tế - xã hội, hiểu rõ phương thức thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm để lựa chọn biện pháp áp dụng và phương pháp tiến hành. Đây là một yếu tố có vai trò quan trọng quyết định tính đúng đắn, hiệu quả khi áp dụng BPĐT.

Về hoạt động thực tiễn áp dụng các BPĐT hình sự tại địa bàn quận Cầu Giấy đạt được những kết quả nhất định:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp là yếu tố giữ vai trò chủ đạo. Thực tế cho thấy, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan tiến hành tố tụng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời, uốn nắn các lệch lạc, những biểu hiện thiếu khách quan, vô tư đã mang lại hiệu quả cao trong công tác điều tra, khám phá tội phạm.

- Sự phối hợp liên ngành ba cơ quan: CQĐT – Viện kiểm sát – Tòa án luôn liên tục, kịp thời, trên cơ sở tuân thủ pháp luật, hạn chế sự phối hợp mang tính chất thảo thuận. Do vậy, thể hiện được vai trò độc lập, tuân theo pháp luật, cùng phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc để đưa ra cách xử lý đúng đắn, sát thực, đó là vấn đề được quan tâm sâu sắc.

- Khi áp dụng một BPĐT cụ thể nào đó là đã vận dụng được điều kiện luật định với thực tế hiện có để lựa chọn, đảm bảo tính thuyết phục cao, tránh oan sai hoặc tùy tiện. ĐTV căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã qua xác minh kiểm tra mức độ chuẩn xác, nâng cao ý thức pháp luật, loại bỏ ý thức chủ quan, kiên quyết tránh tình trạng xác lập tài liệu bằng ý thức chủ quan, mang định kiến cá nhân hoặc xây dựng tình tiết giả đưa vào hồ sơ để làm căn cứ áp dụng. Điều đó cho thấy, sự vô tư, khách quan trong hoạt động tố tụng đã được thể hiện sự quan tâm đúng mức.

- Các đơn vị trực tiếp áp dụng các BPĐT hình sự đã cố gắng phối hợp tác chiến, cùng thống nhất phương án thực hiện, đây là sự phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng với các cơ quan khác khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra cùng các cơ quan chức năng trong phòng ngừa tội phạm.

- Hầu hết, các ĐTV, KSV đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi tiến hành BPĐT. Về hoạt động điều tra nói chung và áp dụng BPĐT nói riêng có những chuyển biến theo chiều hướng tích cực trong thực tiễn đã làm giảm đi nhiều các trường hợp vi phạm pháp luật TTHS như bức cung, dùng nhục hình, hay lạm dụng quyền năng điều tra xâm phạm quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công dân, vi phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng.

3.1.3.2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

** Những hạn chế, tồn tại.*

Thứ nhất, vẫn còn xảy ra tình trạng tiến hành áp dụng BPĐT vi phạm quy định pháp luật TTHS, sai thủ tục, vi phạm các quy định về trình tự, thẩm quyền, căn cứ ra lệnh áp dụng các BPĐT.

+ Tiến hành, áp dụng một số BPĐT khi không có lệnh. Đáng chú ý là một số vụ án về tội đánh bạc, ma túy khi tiến hành BPĐT khám xét xảy ra tình trạng khám xét tràn lan, khám xét kiểu thị uy, không có lệnh và sau khi khám xét xong, những trường hợp đó đều được “viện dẫn” vào trường hợp không thể trì hoãn.

+ Tiến hành, áp dụng BPĐT khi chưa xác định được căn cứ rõ ràng, thậm chí không có căn cứ, đồng thời thiếu người chứng kiến, điều này thường xảy ra khi áp dụng BPĐT khám người với các tội đánh bạc.

+ Biên bản hoạt động điều tra còn tồn tại nhiều lỗi kỹ thuật. Đối với các BPĐT lấy lời khai, trong biên bản ghi lời khai, thông tin về thời gian bắt đầu, kết thúc lại không được ghi nhận hoặc ghi nhận không chính xác. Ngoài ra những phần giấy bỏ trống, không ghi nhận thông tin gì cũng không bị gạch bỏ. Bên cạnh đó, có những biên bản khám nghiệm hiện trường không có chữ ký của

người chứng kiến, thường xảy ra với các vụ án tai nạn giao thông và trộm cắp tài sản ở các khu công cộng.

+ Trong nhiều vụ án, ĐTV không trực tiếp tham gia hỏi cung, khám nghiệm hiện trường... mà người thực hiện là cán bộ điều tra, thậm trí cán bộ trinh sát rồi sau đó ĐTV chỉ ký vào để hoàn thiện quy định của pháp luật.

+ Trong hỏi cung bị can vẫn xuất hiện tình trạng bức cung, dùng nhục hình. ĐTV vẫn có những hành vi bạo lực, lời lẽ không khiêm nhường làm cho bị can mệt mỏi về thể xác, hoảng loạn về tinh thần, dẫn đến khai theo chiều hướng chủ quan của ĐTV.

Thứ hai, vai trò kiểm sát của VKS còn hạn chế, chưa được phát huy.

Pháp luật TTHS quy định, bên cạnh chức năng truy tố tội phạm, VKS còn có chức năng quan trọng khác là kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của CQĐT. Nhiều các BPĐT khi tiến hành, áp dụng bắt buộc phải sự kiểm sát trực tiếp của VKS, nhưng đôi khi VKS đã không có mặt trực tiếp mà chỉ ký vào biên bản để hoàn thiện thủ tục pháp luật. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở một số vụ án trộm cắp tài sản, cướp tài sản... khi ĐTV tiến hành biện pháp khám nghiệm hiện trường, KSV chỉ ký vào biên bản khám nghiệm sau khi khám nghiệm xong. Bên cạnh đó, luật TTHS quy định KSV có quyền triệu tập hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại... tuy nhiên một số KSV vẫn chưa sử dụng quyền năng này vào việc kiểm sát điều tra nhằm làm rõ thêm các tình tiết của vụ án.

Thứ ba, năng lực chuyên môn của một số ĐTV, KSV còn hạn chế.

Áp dụng BPĐT là hoạt động điều tra phức tạp, đòi hỏi ĐTV phải am hiểu pháp luật, tinh thông nghiệp vụ, tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận ĐTV còn hạn chế về năng lực chuyên môn. Từ đó dẫn đến những sai sót trong áp dụng pháp luật, như khám xét không có căn cứ, bức cung, nhục hình, biên bản thu giữ sai quy định...

Về phía KSV, cũng tồn tại một số đồng chí chưa thực sự hiểu rõ được thẩm quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong TTHS, đã cản trở không nhỏ

tới kết quả điều tra. Nhiều các vụ án cướp tài sản và vụ án xâm phạm sở hữu có đồng phạm, đối tượng phạm tội khai về địa điểm, hoàn cảnh lúc thực hiện tội phạm, sự phân công vai trò trách nhiệm trong đồng phạm khi có nghi ngờ về lời khai, nhưng KSV lại không nhận thức được việc thực nghiệm điều tra giúp KSV nắm rõ hơn về tính chất, hành vi của vụ án, những tình tiết chưa rõ... mà đã không tiến hành các hoạt động thực nghiệm điều tra.

Thứ tư, một bộ phận ĐTV, KSV, Thẩm phán chưa đủ bản lĩnh chính trị, còn e ngại vì “sợ đụng chạm”, đôi khi chưa kiên quyết xử lý những người phạm tội vì sợ ảnh hưởng đến lợi ích của mình.

** Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại.*

Thứ nhất, những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động điều tra còn tồn tại nhiều thiếu sót, bất cập.

Như đã phân tích ở trên, hiện nay pháp luật TTHS Việt Nam chưa có quy phạm định nghĩa về BPĐT cũng như từng BPĐT cụ thể. Từ đó, đã dẫn tới nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau tạo ra sự không thống nhất trong áp dụng pháp luật. Mặt khác, những quy định chung chung, không rõ ràng, nhiều nội dung mâu thuẫn, chông chéo, thiếu văn bản hướng dẫn về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành... đã ảnh hưởng lớn tới tính hợp pháp và chất lượng của hoạt động điều tra. Hiện nay, Bộ luật TTHS năm 2003 đang có hiệu lực thi hành còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động điều tra, trong đó, liên quan đến hoạt động áp dụng BPĐT của quận Cầu Giấy, nổi bật nên một số vấn đề bất cập của pháp luật TTHS hiện hành như:

- Bộ luật TTHS có quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng nhưng đối với người trực tiếp xử lý vụ án là ĐTV và KSV còn chưa có sự độc lập trong việc tiến hành một số BPĐT. Khi tiến hành còn chịu sự chi phối nhiều về mặt hành chính, về mặt quyền hạn trong tố tụng đã dẫn đến khó khăn trong giải quyết vụ án.

- Theo quy định, chỉ có cơ quan quan tiến hành tố tụng và cụ thể là những người tiến hành tố tụng là có quyền thu thập chứng cứ, tuy nhiên ngoài những người trên, tại phiên tòa nhiều trường hợp luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân... có đưa ra những tình tiết có liên quan tới vụ án, có giá trị chứng minh nhưng lại không được chấp nhận là chứng cứ của vụ án. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới sự đúng đắn trong xử lý VAHS.

- Bộ luật TTHS quy định “ĐTV tiến hành đối chất”, trên thực tế nhiều vụ án phức tạp như án kinh tế, bị can thường không khai nhận hoặc khai không đúng sự thật và mâu thuẫn với lời khai của những đối tượng khác. Với quy định của pháp luật nêu trên, việc đối chất là không mang tính bắt buộc vì thế khi thực hiện ĐTV và KSV còn lúng túng, bên thì cho rằng cần thiết, bên thì cho rằng đối chất không có kết quả nên không cần tiến hành.

- Bộ luật TTHS chưa có quy định thời hạn trả lời trung cầu giám định, dẫn đến nhiều vụ việc bị kéo dài, ảnh hưởng tới thời hạn điều tra vụ án.

- Trong nhiều vụ án cố ý gây thương tích, xuất phát từ lý do Bộ luật TTHS không quy định bị hại có thể bị dẫn giải để đảm bảo cho việc điều tra, xử lý vụ án nên bị hại không hợp tác dẫn đến không thể giám định được tỉ lệ thương tật nên giải quyết vụ án nhiều khi chưa được chính xác.

Thứ hai, do sự quá tải trong hoạt động điều tra của CQĐT.

Từ thực trạng số vụ án đã khởi tố, điều tra và số vụ việc hình sự mà CQĐT đã tiếp nhận giải quyết, so với thực tế tổng số ĐTV cho thấy, số lượng ĐTV để đáp ứng yêu cầu là quá thấp so với công việc, trung bình mỗi ĐTV một năm thụ lý từ 10 - 15 vụ án, chưa kể các vụ việc hình sự tiếp nhận, giải quyết. Từ đó, vô hình chung đã tạo ra áp lực quá cao trong công việc khiến ĐTV nảy sinh tâm lý căng thẳng, trạng thái nôn nóng, muốn nhanh chóng điều tra khám phá, kết thúc vụ án, dẫn đến không bảo đảm thực hiện tốt các nguyên tắc của Bộ luật TTHS khi áp dụng BPĐT. Chẳng hạn, trong áp dụng các BPĐT lấy lời khai, ĐTV thường xảy ra việc dọa dẫm áp đặt ý chí chủ quan của mình lên lời

khai mà không đánh giá tính khách quan. Bên cạnh đó, số cán bộ làm công tác điều tra cũng còn quá ít, đặc biệt căn cứ vào Thông tư số 28/2014/TT-BCA “*quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân*” cho thấy, nhiệm vụ, quyền hạn của đội Điều tra tổng hợp trong hoạt động ĐTHS của đơn vị công an cấp huyện là khá nặng nề, mà tổng số cán bộ của đội còn quá ít (18 đồng chí), đã không đáp ứng tốt được nhiệm vụ điều tra.

Về phía VKS, hiện nay tổng số cán bộ có chức danh KSV chỉ có hơn 10 đồng chí, trong đó hơn 60 % là nữ, do đó ngoài thực hiện quyền công tố thì đối với việc kiểm sát điều tra đối với các hoạt động điều tra là một khó khăn không thể tránh khỏi.

Thứ ba, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc áp dụng các BPĐT còn hạn chế, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Mặc dù yếu tố con người là quan trọng trong việc quyết định kết quả hoạt động điều tra, tuy nhiên cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng đóng vai trò không kém. Chúng là công cụ hỗ trợ cho hoạt động điều tra của cán bộ điều tra. Thực tế cho thấy, không chỉ ở quận Cầu Giấy mà ở hầu như tất cả các CQĐT cấp huyện, cơ sở vật chất rất hạn chế đôi khi phòng làm việc và kho vật chứng là một, bên cạnh đó, trang thiết bị phục vụ công tác điều tra cũng rất hạn chế, thậm chí còn lạc hậu ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả phát hiện, thu thập chứng cứ, đặc biệt là biện pháp khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi...

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp điều tra trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

3.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về các biện pháp điều tra

Hiện nay, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn điều tra VAHS, Bộ luật TTHS năm 2015 đã cơ bản giải quyết được các tồn tại, thiếu sót về các quy định của Bộ luật TTHS năm 2003. Tuy nhiên, về khía cạnh áp dụng BPĐT, tác giả kiến nghị một số vấn đề để hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS như sau:

- Bổ sung quy phạm định nghĩa về BPĐT hình sự, về từng BPĐT hình sự. Việc đưa ra quy phạm định nghĩa về BPĐT hình sự và về từng BPĐT tạo sự thống nhất trong nhận thức cũng như áp dụng có hiệu quả của các chủ thể tiến hành tố tụng.

- Điều tra là một chế định quan trọng trong Bộ luật TTHS. Do đó, cần nghiên cứu, xem xét chia tách nội dung của Bộ luật TTHS thành “Luật về ĐTHS”. Đạo luật ĐTHS sẽ xác định rõ nguyên tắc điều tra, phân định thẩm quyền điều tra, quyền và nghĩa vụ điều tra của các chủ thể tiến hành điều tra, các BPĐT và biện pháp ngăn chặn... Những nội dung này hiện đang được quy định rải rác trong Bộ luật TTHS và Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS.

- Đối với sự tham gia của Viện kiểm sát vào kiểm sát hoạt động điều tra, Bộ luật TTHS 2015 quy định 07 trường hợp bắt buộc KSV phải có mặt là: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét (trừ trường hợp khám xét khẩn cấp), thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng và nhận biết giọng nói. Do đó, để tăng cường và phát huy hiệu quả sự kiểm sát của VKS cần bổ sung, tăng cường biên chế cán bộ cho các cơ quan VKS các cấp; tăng cường trang thiết bị, cơ sở vật chất... phục vụ KSV thực thi quyền công tố của mình; chú trọng hơn nữa năng lực, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho các KSV bằng cách mở các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên sâu, gửi đi đào tạo tại các nhà trường, Học viện...

- Đối với BPĐT hỏi cung bị can, Bộ luật TTHS năm 2015 quy định bắt buộc phải ghi âm, ghi hình khi hỏi cung bị can. Để triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả cần chủ động trang bị các trang thiết bị ghi âm, ghi hình đúng quy chuẩn đáp ứng được yêu cầu chất lượng hình ảnh âm thanh; chủ động tập huấn kỹ năng sử dụng các thiết bị ghi âm, ghi hình cho các ĐTV, KSV; bổ sung lực lượng làm công tác lưu trữ, bảo quản chất lượng băng ghi âm, ghi hình đảm bảo giá trị của chứng cứ.

- Đối với BPĐT đối chất, Bộ luật TTHS năm 2015 quy định chưa mang tính bắt buộc, do đó thực tiễn áp dụng vẫn không tránh khỏi trường hợp giữa hai

bên CQĐT, Viện kiểm sát bên cho là cần thiết, bên cho là không cần thiết mà rõ ràng tính hiệu quả của đối chất biện pháp cuối cùng có thể giải quyết được mâu thuẫn trong lời khai khi CQĐT đã tiến hành các BPĐT khác nhưng chưa giải quyết được. Do đó, cần quy định mang tính bắt buộc phải thực hiện đối chất đối với BPĐT này khi lời khai của bị can, bị cáo có sự mâu thuẫn mà áp dụng các biện pháp khác không thể giải quyết được.

3.2.2. Nâng cao nhận thức và tổ chức áp dụng các biện pháp điều tra theo đúng quy định của pháp luật

Lãnh đạo các cấp của Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án quận Cầu Giấy cần quán triệt cho cán bộ mình nhận thức rõ việc chấp hành pháp luật trong tiến hành, áp dụng các BPĐT. Đặc biệt, đối với các đồng chí cán bộ điều tra của Công an quận cần tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật TTHS.

Thường xuyên giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ trực tiếp áp dụng các BPĐT bằng việc tổ chức các lớp học để trao đổi kinh nghiệm, rút ra những kết quả đã đạt được để phát huy và hạn chế sự sai sót, tồn tại trong áp dụng BPĐT. Bên cạnh đó cần đặc biệt chú ý công tác bồi dưỡng cán bộ bằng việc cho đi học, tập huấn công tác điều tra tại các nhà trường, trung tâm bồi dưỡng chuyên môn. Đồng thời, cần lựa chọn các cán bộ có năng lực thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho họ yên tâm với công tác trong lĩnh vực này.

Cần tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, kiểm tra các hoạt động điều tra đảm bảo việc ban hành các quyết định áp dụng pháp luật có căn cứ và hợp pháp, đảm bảo cho việc tổ chức hoạt động điều tra được tiến hành đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn đồng thời kịp thời phát hiện những sai lầm vi phạm pháp luật của ĐTV hoặc các cán bộ, cơ quan khác có liên quan.

3.2.3. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra và bảo đảm các điều kiện công tác nhằm thực hiện tốt việc áp dụng các biện pháp điều tra

Đảm bảo tiêu chuẩn của những người làm nhiệm vụ tư pháp đóng vai trò chính trong ĐTHS, như Thủ trưởng CQĐT, Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV và những người khác làm nhiệm vụ tư pháp. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chức danh tư pháp hình sự phù hợp với thực tiễn của đội ngũ cán của hiện có. Cần chú ý đặc biệt đến tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực tổ chức, chủ huy, kiến thức pháp luật và nghiệp vụ cho các ĐTV và KSV.

Tăng cường số lượng ĐTV, KSV, đồng thời chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực đào tạo trình độ đại học và sau đại học tại các trường Học viện An ninh và Học việc Cảnh sát. Bên cạnh đó, cần chú ý tới trang bị kiến thức pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, TTHS, dân sự... cho đội ngũ làm công tác điều tra.

Tăng cường công tác giáo dục, làm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng động viên khuyến khích và khen thưởng kịp thời đối với ĐTV, KSV để họ hăng say làm việc. Đồng thời, các ngành có liên quan VKS, Tòa án quận cần coi trọng công tác tổng kết, rút kinh nghiệm định kỳ, cần thiết thì cần tổng hợp thành các tài liệu tập huấn và phát hành tới từng đơn vị để phát huy các mặt tích cực và hạn chế sự tiêu cực trong áp dụng BPĐT

3.2.4. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đảm bảo cho việc thực hiện các biện pháp điều tra

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động áp dụng các BPĐT là điều cần thiết. Qua khảo sát thực tiễn cho thấy, tuy cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của hoạt động điều tra, tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả công tác này cần chú ý tập trung vào các vấn đề sau:

- Tăng cường đầu tư kinh phí để xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ khi áp dụng BPĐT.
- Trang bị các phương tiện phục vụ công tác khám nghiệm hiện trường, công tác khám nghiệm tử thi như kính lúp, kính hiển vi, bột hóa học, va ni khám nghiệm...

- Trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho cán bộ điều tra như: áo chống đạn, gang tay bát dao, mũ chống độc và các phương tiện bảo vệ khác nhằm tạo tâm lý yên tâm công tác.

- Trang bị các phương tiện đi lại cho lực lượng khi thực thi nhiệm vụ như ô tô, xe máy... đảm bảo đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để họ có thể di chuyển nhanh chóng, kịp thời.

3.2.5. Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát trong áp dụng các biện pháp điều tra

Để nâng cao hiệu quả áp dụng các BPĐT, cần đặc biệt chú ý tới hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát và việc kiểm tra hoạt động của CQĐT.

Quyền của VKS trong hoạt động giám sát đối với việc áp dụng các biện pháp tố tụng đã được quy định rất rõ và thẩm quyền rất lớn. Tuy vậy, cơ chế, hình thức biện pháp kiểm sát vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Để làm tốt công tác kiểm sát cần phải có thông tin kịp thời và đầy đủ để ra quyết định (quyết định phê chuẩn hay hủy bỏ các quyết định của CQĐT...). Đồng thời, khi phát hiện các biểu hiện vi phạm, vi phạm pháp luật cần kịp thời uấn nắn tránh tình trạng bỏ mặc, nể nang... đặc biệt là tình trạng bức cung, nhục hình trong hỏi cung bị can.

Các CQĐT cấp bộ và thành phố Hà Nội cần phải tổ chức tốt bộ phận chuyên trách thanh tra pháp luật, kiểm tra, hướng dẫn công tác áp dụng BPĐT, đồng thời tại CQĐT quận Cầu Giấy cũng cần bố trí một bộ phận chuyên trách thực hiện công tác này.

3.2.6. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra – Viện kiểm sát – Tòa án

- Cần tiếp tục, thường xuyên tổ chức các cuộc họp liên ngành để đánh giá tình hình tội phạm qua từng thời kỳ, quyết định vụ án nào là trọng điểm để phân công ĐTV, KSV có năng, trình độ chuyên môn phù hợp.

- Giữa ĐTV và KSV cần chủ động hơn nữa trong trao đổi, tranh luận với nhau giữa các tình tiết của vụ án, đề ra yêu cầu với từng bị can, từng trường hợp thu thập chứng cứ nhằm áp dụng đúng đắn BPĐT.

- Các thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra cần được trao đổi cho Viện kiểm sát và Tòa án. Ngược lại, diễn biến, kết quả xét xử VAHS phải được trao đổi cho CQĐT để nghiên cứu, phục vụ mở rộng phạm vi điều tra, không bỏ lọt tội phạm.

- Cần sớm xây dựng quy chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân với CQĐT, Viện kiểm sát nhân dân nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện việc áp dụng các BPĐT.

3.2.7. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về các biện pháp điều tra

Tuyên truyền để nhân dân hiểu biết về pháp luật và thực hiện đúng các quy định trong việc trình báo các vụ việc. Nhân dân có trách nhiệm tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống các hành vi vi phạm pháp luật. Qua tuyên truyền, phổ biến pháp luật làm cho nhân dân hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, nhất là các quyền và nghĩa vụ với tư cách là người bị áp dụng BPĐT theo TTHS. Để làm được điều đó cần:

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về các BPĐT- tạo môi trường thuận lợi để pháp luật đi vào cuộc sống. Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, minh bạch, ít lỗ hổng, không chồng chéo, mâu thuẫn sẽ tự mình có sức mạnh để đi vào cuộc sống, được xã hội chấp nhận, thừa nhận và tuân thủ.

Cần tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các BPĐT theo hướng làm thay đổi cách nghĩ, cách nhìn của nhân dân đối với pháp luật. Để làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cần có sự tìm hiểu về thái độ của người dân đối với pháp luật, họ hiểu pháp luật như thế nào? Pháp luật có vai trò gì trong cuộc sống của họ?

Kết hợp phổ biến, giáo dục pháp luật về BPĐT với trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật trong ĐTHS.

Kết luận chương 3

Chương 3 của Luận văn đã làm rõ tình hình tội phạm trên địa bàn quận Cầu Giấy từ năm 2012 đến 2016. Phân tích làm rõ thực tiễn áp dụng các BPĐT tại địa bàn quận. Nghiên cứu chỉ ra các kết quả đạt được để phát huy, đồng thời, làm rõ các tồn tại thiếu sót và nguyên nhân của những tồn tại thiếu sót đó từ thực tiễn quận Cầu Giấy. Từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các BPĐT trên địa bàn quận Cầu Giấy.

KẾT LUẬN

Các BPĐT hình sự là bộ phận hợp thành quan trọng trong hệ thống các biện pháp tố tụng, là công cụ, phương tiện hữu hiệu để các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng trong việc phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ chứng minh làm rõ VAHS. Tuy nhiên, lý luận cũng như pháp luật và thực tiễn áp dụng các BPĐT còn nhiều bất cập. Vì vậy, việc nghiên cứu, hoàn thiện lý luận, pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các BPĐT nói chung và trên địa bàn quận Cầu Giấy nói riêng là đòi hỏi cấp thiết.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật thực định về các BPĐT và thực tiễn áp dụng trên địa bàn quận Cầu Giấy, tác giả rút ra kết luận sau:

- Nghiên cứu ở bình diện lý luận, làm sáng tỏ một số nhận thức cơ bản về BPĐT; phân tích, làm rõ bản chất của hoạt động ĐTHS, từ đó nghiên cứu, so sánh, đối chiếu phân tích và đưa ra khái niệm BPĐT, đồng thời chỉ ra các đặc điểm đặc trưng của BPĐT, dựa vào đó có thể phân biệt được BPĐT với các biện pháp tố tụng khác; phân tích, chỉ rõ các điều kiện chung khi áp dụng các BPĐT; trình bày có tính hệ thống về các BPĐT. Qua đó, tạo sự thống nhất về nhận thức đối với các BPĐT, đồng thời góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận về các biện pháp điều tra.

- Phân tích thực trạng quy định của pháp luật thực định về các BPĐT qua từng thời kỳ: 1945 – 1954, 1954 – 1975, 1975 – 1988, 1988 đến nay, mỗi thời kỳ đều có những đánh giá, nhận xét mang tính bình luận về mức độ hoàn thiện, tạo cơ sở để thống nhất từ nhận thức các quy định của pháp luật đến áp dụng trong thực tế điều tra và hoàn thiện pháp luật về BPĐT. Nghiên cứu, đánh giá, so sánh các quy định về BPĐT của một số nước trên thế giới (Trung Quốc, Nga, Pháp) về kỹ thuật lập pháp, nội dung thể hiện trong Bộ luật TTHS, từ đó tìm ra những điểm tương đồng, khác biệt, trên cơ sở đó rút ra kinh nghiệm đối với việc lập pháp tố tụng nước ta nói chung, và quy định của pháp luật TTHS nước ta về các BPĐT hình sự nói riêng.

- Nghiên cứu, phân tích thực tế áp dụng pháp luật về các BPĐT từ thực tiễn tại địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại đó. Qua đó, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS về các BPĐT, các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các BPĐT trên địa bàn quận Cầu Giấy.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Anh (2002), “*Hoàn thiện các quy định hình sự nhằm nâng cao hiệu quả lấy lời khai người làm chứng*”, Tạp chí Công an nhân dân, số 12/2002.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2012), “*Sổ tay pháp luật Điều tra viên*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Bắc (2005), “*Tổ chức cơ quan điều tra hình sự: quá trình hình thành và phát triển*”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 57, tháng 8/2005.
4. Bộ Chính trị (2002), “*Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2005), “*Nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2005), “*Nghị quyết số 49 – NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”, Hà Nội.
7. Bộ Công an (2015), “*Tài liệu tập huấn chuyên sâu Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*”, Nxb CAND, Hà Nội.
8. Bộ Công an, Tổng cục Xây dựng lực lượng (2009), “*Tài liệu bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều tra*”, Tập I, Tập II, Nxb CAND, Hà Nội.
9. Bộ Công an (2016), “*So sánh Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
10. *Bộ luật TTHS Cộng hòa liên bang Nga; Bộ luật TTHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; Bộ luật TTHS Cộng hòa Pháp*, theo bản dịch của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao năm 2012.
11. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy, *báo cáo công tác điều tra xử lý tội phạm các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
12. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy, *sổ theo dõi công tác điều tra các VAHS từ năm 2012 đến 2016*.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đại học Luật Hà Nội (2016), *“Giáo trình khoa học điều tra hình sự”*, Nxb CAND, Hà Nội.
15. Đại học Quốc gia Hà Nội (2014), *“Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam”*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
16. Lê Minh Hùng, Phó Giám đốc Học viện An ninh nhân dân (2013), *“Khoa học điều tra hình sự”*, Nxb CAND, Hà Nội.
17. Học viện An ninh nhân dân (2002), *“Giáo trình lý luận chung về khoa học ĐTHS”*, Nxb CAND, Hà Nội.
18. Học viện An ninh nhân dân (2010), *“Giáo trình tổ chức và chiến thuật ĐTHS”*, Nxb CAND, Hà Nội.
19. Học viện An ninh nhân dân (2013), *“Giáo trình khoa học điều tra hình sự”*, Nxb CAND, Hà Nội.
20. Học viện Cảnh sát nhân dân (2006), *“Giáo trình chiến thuật điều tra hình sự”*, tập I, tập II, Nxb CAND, Hà Nội.
21. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Bộ Công an (2003), *“Tài liệu tập huấn chuyên sâu về Bộ luật tố tụng hình sự 2003”*, Hà Nội.
22. Ngũ Quang Hồng (2011), *“Nghiên cứu so sánh về trình tự điều tra giữa luật tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam”*, Luận án Tiến sỹ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Minh (2008), *“Các biện pháp điều tra trong tố tụng hình sự”*, luận văn Thạc sỹ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Trần Đại Quang, nguyên Bộ trưởng Bộ Công an (2015), *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động điều tra hình sự ở Việt Nam”*, Nxb CAND, Hà Nội.
25. Trần Nguyên Quân (2012), *“Sử dụng chứng cứ hỏi cung bị can trong điều tra VAHS ở Việt Nam”*, Nxb CAND, Hà Nội.

26. Quốc hội, *Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các năm 1985, 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), 2015*, Hà Nội.
27. Quốc hội, *Bộ luật TTHS của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các năm 1988, 2003, 2015*, Hà Nội.
28. Quốc hội, *Hiến pháp nước Việt Nam các năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013*, Hà Nội.
29. Quốc hội (2000), *Luật Phòng, chống ma túy năm 2000*.
30. Quốc hội (2005), *Luật An ninh quốc gia năm 2004*.
31. Quốc hội (2014), *Luật Công an nhân dân năm 2014*.
32. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015*.
33. Quốc hội (2015), *Luật thi hành tạm giữ, tạm giam 2015*.
34. *Quyết định số 1044/QĐ-BCA ngày 05/9/2007 về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong hoạt động điều tra của Cảnh sát điều tra công an các cấp*".
35. *Thông tư số 28 – 2014/TT-BCA ngày 07/7/2014 quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân*.
36. Nguyễn Huy Thuật (2009), "*Sổ tay điều tra các tội phạm về trật tự xã hội*", Nxb CAND, Hà Nội.
37. Nguyễn Huy Thuật (2010), "*Chiến thuật điều tra hình sự*", Nxb CAND, Hà Nội.
38. Nguyễn Xuân Toàn (2012), "*Một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp điều tra hình sự trong Công an nhân dân*", Nxb CAND, Hà Nội.
39. *Từ điển Công an nhân dân năm 2000 (sửa bổ bổ sung năm 2005)*, Nxb CAND, Hà Nội.
40. Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11 (2004), *Pháp lệnh Tổ chức ĐTHS số 23/2004/PL-UBTVQH 11*, Hà Nội.
41. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2005), *Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTP ngày 10/8/2005 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về khouru nại, tố cáo*, Hà Nội.

42. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2005), *Thông tư liên tịch số 05/TTLT-VKSTC -BCA-BQP ngày 7/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS năm 2003*, Hà Nội.
43. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Bộ luật TTHS*, Hà Nội.
44. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2015), *Báo cáo tham khảo pháp luật Tổ tụng hình sự một số nước trên thế giới (Pháp, Đức, Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc)*, Hà Nội.
45. Viện khoa học Chiến lược Bộ Công an (2011), *“Biện pháp nghiệp vụ trong công tác công an, những vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Nxb CAND, Hà Nội.
46. Viện khoa học pháp lý – Bộ tư pháp (2004), *“Tư điển Luật học”*, Nxb Từ điển bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội.
47. Viện ngôn ngữ học (2016), *“Tư điển Tiếng Việt”*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học, Hà Nội.
48. Võ Khánh Vinh và đồng nghiệp (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nxb CAND, Hà Nội.
49. Viện Khoa học Công an – Bộ Nội vụ, *Những văn bản của Nhà nước về an ninh trật tự các năm (1945-1954), (1955-1964), (1965-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Nguyễn Xuân Yêm, Giám đốc Học viện Cảnh sát nhân dân (2013), *“Khoa học Hình sự Việt Nam”*, tập I, II, III, IV, V, Nxb CAND, Hà Nội.
51. [website://congluan.vn/quan-cau-giay-ha-noi-phat-trien-theo-huong-nhanh-ben-vung-va-hai-hoa/](http://congluan.vn/quan-cau-giay-ha-noi-phat-trien-theo-huong-nhanh-ben-vung-va-hai-hoa/), Thứ Sáu, 08/04/2016 | 22:13 GMT+7.
52. [website://cand.com.vn](http://cand.com.vn)